



BẢN TIN

KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH AN GIANG

ISSN 1859 - 0268

SỐ 02/2023

**CHÀO MỪNG
NGÀY KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

18-5



-Tháng 05/2023-



SÀN GIAO DỊCH CÔNG NGHỆ AN GIANG

Nhằm phát triển thị trường khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ An Giang thành lập Sàn Giao dịch công nghệ An Giang (ATTE) có địa chỉ tại:

<https://atte.vn>

Các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có thể đăng ký thành viên (miễn phí) để mua hoặc bán thiết bị, công nghệ trên Sàn Giao dịch công nghệ An Giang.

Đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tại An Giang khi mua thiết bị, công nghệ mới có thể nhận được kinh phí hỗ trợ không hoàn lại theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh An Giang.

The screenshot displays the ATTE website interface. At the top, there is a banner with the ATTE logo and the text "SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG TECHNOLOGY TRANSFER AND EXCHANGE". To the right, another banner says "KÍNH MỜI CÁC DOANH NGHIỆP THAM GIA CHÀO BÁN SẢN PHẨM TRÊN SÀN GIAO DỊCH CÔNG NGHỆ TRỰC TUYẾN". Below the banners is a navigation bar with a search box and a "Tìm" button. A left sidebar contains a "Tìm theo Danh mục" dropdown menu with categories like "Cơ khí - Chế tạo máy (255)", "Nông - Lâm - Thủy sản (170)", etc. The main content area is divided into "TIN TỨC SẢN" and "SỰ KIỆN SẢN". Below this, there are several product listings with images and descriptions, such as "Máy trộn lập phương 2 gói", "Tủ sấy tiệt trùng", "Dây chuyền sản xuất gạch không nung tự động TPC-B1209", etc. On the right side, there are more product listings like "Máy ủ phân hữu cơ siêu nhanh RCM-200", "Camera hội nghị Jabra Panacast 20 thông minh độc đáo", etc. At the bottom right, there is a "Bán tin KHOA HỌC AN GIANG" logo.

Giao diện website <https://atte.vn>

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ

Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ An Giang

Địa chỉ: 17 Lê lai, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Điện Thoại: (0296) 3954306 - (0296) 3954305 - (0903 686 698 - Thái Kha)

Email: trungtamkhnag@gmail.com



ISSN 1859 - 0268

Chịu trách nhiệm xuất bản:

ThS. TÀNG PHÚ AN

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Trưởng Ban biên tập:

ThS. PHAN VĂN KIẾN

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Phó Trưởng Ban biên tập:

ThS. TRẦN PHÚ VINH

Thư ký:

KS. HÀ THỊ MỸ TRANG

Biên tập viên:

ThS. ĐẶNG THỊ TIẾP THU

ThS. ĐOÀN HỮU TRÍ

KS. TRƯƠNG BẢO QUỐC

KS. TRƯƠNG TUẤN KIẾT

Trình bày

NGÔ THỊ XUÂN

Địa chỉ phát hành:

Số 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

☎ (0296) 3852212 hoặc (0296) 3954305

✉ bantinkhcnag@gmail.com

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN - CHÍNH SÁCH

1. KẾ HOẠCH: Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2023 liên quan lĩnh vực khoa học và công nghệ 2

KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

2. Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18-5-2023 - nhìn lại chặng đường 10 năm hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh An Giang (2013 - 2023) 5
3. Kết quả triển khai thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ năm 2022 10
4. Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang 14
5. Khoa học Công nghệ và đổi mới sáng tạo nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa tỉnh an giang 20
6. Vai trò của Liên minh Hợp tác xã tỉnh An Giang trong thúc đẩy các Hợp tác xã Nông nghiệp gắn với doanh nghiệp trong chuỗi giá trị 25
7. Nghiên cứu xây dựng mô hình thử nghiệm nhân giống và nuôi gà rừng (*galuss galuss*) tại vùng thối sơn, tỉnh an giang 29
8. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở “Ảnh hưởng của việc bổ sung hỗn hợp bột nghệ, sả và tỏi đến năng suất tăng trưởng và chất lượng của gà nòi nuôi tại An Giang” 31
9. Phát triển sản xuất, sử dụng vật liệu xây không nung và lộ trình xóa bỏ lò thủ công sản xuất gạch đất sét nung trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2030 33
10. Triển khai Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang 37
11. Kết quả hoạt động KH&CN cấp huyện tỉnh An Giang năm 2022 39
12. Ứng dụng nhà sấy năng lượng mặt trời để phơi sấy nông sản thực phẩm 41
13. Sự khác nhau giữa Công nghệ Thông tin và Chuyển đổi số 43

TIN TỨC

14. Điểm tin hoạt động KH&CN cấp huyện tháng 03 - 04/2023 46
15. Tập huấn về an toàn bức xạ năm 2023 48
16. Hội nghị tập huấn các văn bản pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa trong hoạt động kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ năm 2023 49
17. Kết quả khảo sát chất lượng và nhãn hàng hóa đối với mặt hàng xăng dầu, dầu nhờn động cơ đốt trong lưu thông trên thị trường quý I năm 2023 51

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CNSH	Công nghệ sinh học	NHCN	Nhãn hiệu chứng nhận
ĐMST	Đổi mới sáng tạo	NNCNC	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long	SHTT	Sở hữu trí tuệ
KH&CN	Khoa học và Công nghệ	UBND	Ủy ban nhân dân
KT-XH	Kinh tế - xã hội	HTX	Hợp tác xã

KẾ HOẠCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG NĂM 2023 LIÊN QUAN LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ThS. Phan Văn Kiên

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV); UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 06/3/2023 về hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2023. Sau đây xin giới thiệu tóm tắt nội dung Kế hoạch có liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN), như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định DNNVV theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ và quy định khác của pháp luật có liên quan; cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ DNNVV.

2. Nội dung hỗ trợ:

1.1. Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a) *Tư vấn đăng ký bảo hộ, khai thác và ứng dụng tài sản trí tuệ của DNNVV:* Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp nhưng không quá

100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

b) *Tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ cho DNNVV:* Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

1.2. Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo:

Phạm vi: Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo thuộc các lĩnh vực tiềm năng và thế mạnh của tỉnh gồm: nông nghiệp thông minh, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, công nghệ sinh học, du lịch, công nghiệp hỗ trợ; công nghệ vật liệu mới; công nghệ trong lĩnh vực ICT (Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, dữ liệu lớn, điện toán đám mây); công nghệ tài chính - ngân hàng; thương mại điện tử; giáo dục đào tạo chất lượng cao, y tế chuyên sâu, các dự án có mục đích phục vụ lợi ích xã hội, cộng đồng và giải quyết các thách thức trong phát triển kinh tế xã hội.

Nội dung hỗ trợ:

a) *Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung*

- Hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung: Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 5 triệu đồng/tháng/doanh

nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng.

b) Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

- Hỗ trợ hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước: Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu: Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước: Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài: Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới

- Hỗ trợ hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở: Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá

10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng: Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới: Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp: Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

e) Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu

- Hỗ trợ chi phí tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học nhưng không quá 5 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm.

- Hỗ trợ chi phí tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm.

g) Hỗ trợ xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm: Hỗ trợ hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế; Hỗ trợ chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế; Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại - Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước; Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại - Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại

nước ngoài; Hỗ trợ chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo về khởi nghiệp sáng tạo. Tổ chức tọa đàm, đối thoại giữa chính quyền, doanh nghiệp với cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng khởi nghiệp; Giao lưu, kêu gọi khuyến khích đầu tư cho khởi nghiệp,...

Các Sở, ban, ngành tăng cường phối hợp trong công tác tuyên truyền chính sách pháp luật của Nhà nước, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hiệu quả, nhất là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp nhằm đảm bảo tiếp cận thông tin chính xác, kịp thời, phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp; góp phần giúp doanh nghiệp tuân thủ, thực hiện đúng các quy định pháp luật và nâng cao chỉ số cạnh tranh. Hình thức: thông báo rộng rãi doanh nghiệp đăng ký để chọn doanh nghiệp đủ điều kiện, mời đơn vị/chuyên gia tư vấn. Tổng dự toán kinh phí Kế hoạch hỗ trợ năm 2023 này là 37.501 triệu đồng.

3. Tổ chức thực hiện:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các Hội, Hiệp hội Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để triển khai có hiệu quả Kế hoạch này.

- Các Hội, Hiệp hội Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan triển khai các biện pháp hỗ trợ DNNVV, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thành lập và hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định; tuyên truyền, phổ biến, kết nối cộng đồng doanh nghiệp tham gia.

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa cung cấp thông tin, hồ sơ đầy đủ, kịp thời chính xác theo quy định, chịu trách nhiệm về những thông tin, tài liệu đã cung cấp. Sử dụng các nguồn lực hỗ trợ của tỉnh một cách phù hợp, hiệu quả./.

NGÀY KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM 18-5-2023 NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG 10 NĂM HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG (2013 - 2023)

ThS. Phan Văn Kiến

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Cách đây 58 năm, tại Đại hội Đại biểu Hội Phổ biến khoa học và kỹ thuật Việt Nam toàn quốc lần thứ nhất (tiên thân của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ đến dự và chúc mừng. Tại sự kiện này, Người khẳng định: *“Chúng ta đều biết rằng trình độ khoa học và công nghệ của ta hiện nay còn thấp kém. Lẽ lối sản xuất chưa cải tiến được nhiều. Cách thức làm việc còn nặng nhọc. Năng suất lao động còn thấp... Nhiệm vụ của khoa học là ra sức cải biến những cái đó... Khoa học phải tự sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, nhằm nâng cao năng suất lao động và không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi....”*

Đến ngày 18/6/2013, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIII, Luật Khoa học và Công nghệ được thông qua, thống nhất chọn ngày 18-5 hàng năm là Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Đây là ngày hội để tôn vinh những người làm khoa học, giới thiệu các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

Nhân Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5/2023, nhìn lại chặng đường 10 năm

(2013-2023), trình độ khoa học và công nghệ (KH-CN) của tỉnh An Giang không ngừng được nâng cao, đạt được một số thành tựu đáng ghi nhận và đóng góp quan trọng trong phát triển KT-XH của tỉnh, cụ thể:

1. Nguồn nhân lực KH-CN: có sự phát triển về số lượng và chất lượng. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức hoạt động trong lĩnh vực KH-CN là 2.018 người, trong đó có 01 giáo sư, 02 phó giáo sư, 13 tiến sĩ, 131 thạc sĩ, 640 đại học, 27 cao đẳng và 1.204 trình độ khác. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 01 trại thực nghiệm (Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN), 01 khu ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao (Trung tâm Công nghệ sinh học) và Viện Nghiên cứu nông nghiệp Lộc Trời (Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời); có 48 tổ chức nghiên cứu cơ bản, 54 tổ chức ứng dụng thực hiện dự án theo quyết định 538/QĐ-UBND và 567/QĐ-UBND và 02 doanh nghiệp KH-CN.

2. Hoạt động nghiên cứu ứng dụng KH-CN: phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Thực hiện Chương trình hành động số 18-CTr/TU, Sở KH-CN đã phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan xây dựng 07 chương trình KH-CN trọng điểm giai đoạn 2016-2020 trên các lĩnh vực¹. Các lĩnh vực nghiên cứu ngày càng

¹ (1) Chương trình Nghiên cứu KH-CN phục vụ phát triển được liệu và y học cổ truyền giai đoạn 2016-2020; (2) Chương trình Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020; (3) Chương trình Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ phát triển du lịch giai đoạn 2016-2020; (4) Chương trình Nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020; (5) Chương trình Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020; (6) Chương trình Nghiên cứu phát triển bền vững các vùng sinh thái tỉnh An Giang trong điều kiện biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020; (7) Chương trình Định hướng nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang theo hướng là một trong những trung tâm về nông nghiệp, giáo dục đào tạo, y tế và du lịch đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

phát triển đồng bộ giữa khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, đặc biệt hầu hết các đề tài, dự án đều có lồng ghép ứng dụng công nghệ thông tin và thích ứng biến đổi khí hậu. Từ năm 2013-2023, ngành KH-CN tổ chức thực hiện 441 đề tài, dự án (trong đó có 09 đề tài, dự án cấp quốc gia; 112 đề tài, dự án cấp tỉnh; 330 đề tài, dự án cấp cơ sở). Đặc biệt, vào tháng 02-2021, Đảng ủy Sở KH&CN ký kết với 11 huyện ủy, thị ủy, thành ủy về Kế hoạch triển khai Chương trình phối hợp giai đoạn 2021-2025, với 05 lĩnh vực phối hợp: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả.

Việc đẩy mạnh ứng dụng KH-CN vào sản xuất và đời sống được chú trọng, góp phần tăng năng suất, tạo sản phẩm có chất lượng, hàm lượng công nghệ cao và tăng cường tính cạnh tranh trong quá trình hội nhập ở các ngành kinh tế mũi nhọn, nhất là các sản phẩm nông, lâm, thủy sản, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Các đề tài, dự án KH-CN đều được chuyển giao cho các bên đặt hàng, ứng dụng vào thực tiễn. Đặc biệt, ứng dụng có hiệu quả các đề tài khoa học xây dựng thủy lợi về thiết kế kênh mương tưới tiêu nội đồng, đê bao chống lũ kết hợp giao thông nông thôn,... góp

phần khai thác có hiệu quả tài nguyên đất; chọn nghiên cứu phát triển giống lúa theo hướng tăng năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm; chọn tạo được các bộ giống có năng suất cao cả hai vụ Đông Xuân và Hè Thu, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu; chọn tạo được các bộ giống có thời gian sinh trưởng ngắn, thích hợp cho vùng trồng tránh lũ, giống có khả năng chịu ngập, chịu hạn, chống chịu được sâu bệnh hại chính và có phẩm chất tốt; giống lúa thơm; giống chống chịu rầy nâu; chịu thâm canh... góp phần làm đa dạng bộ giống lúa có năng suất, chất lượng tốt, giải quyết được vấn đề thoái hóa giống và phục vụ phát triển lĩnh vực sản xuất, kinh doanh lúa giống trên địa bàn tỉnh An Giang. Bên cạnh đó, ứng dụng kết quả các nghiên cứu sinh sản nhân tạo giống thủy sản cũng là một trong những thành tựu quan trọng trong thời gian qua, đặc biệt là nghiên cứu thành công và chuyển giao các quy trình sinh sản nhân tạo và nuôi thương phẩm cá lăng, cá linh ông, cá leo, cá heo, chạch lấu, cá trèn bầu, lươn đồng, cá rô biển... góp phần đa dạng hóa nguồn lợi thủy sản của địa phương và phát triển kinh tế - xã hội. Đóng góp của của KH-CN được thể hiện qua chỉ số TFP (năng suất nhân tố tổng hợp) vào tăng trưởng GRDP của tỉnh ngày càng tăng; tăng trưởng GRDP của tỉnh trung bình năm giai đoạn 2011-2020 là 4,92%/năm, trong đó đóng góp của TFP là 1,43% (tương ứng 29,05%).



Nghiên cứu xây dựng khu bảo tồn dược liệu kết hợp phát triển du lịch tại Núi Cấm



Sinh sản nhân tạo và ương giống cá heo tại Trung tâm Công nghệ sinh học An Giang

3. Hoạt động quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ: đã có bước phát triển nhanh. Việc đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ được các tổ chức, cá nhân quan tâm, nhất là đăng ký nhãn hiệu mang tính sở hữu cộng đồng như nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý gắn với các đặc sản của địa phương. Theo số liệu thống kê của Cục Sở hữu trí tuệ, từ năm 2016-2020, số lượng đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh được cấp 556 giấy chứng nhận/văn bằng (515 nhãn hiệu, 42 kiểu dáng, 04 sáng chế, 05 giải pháp hữu ích). Triển khai xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận An Giang để người tiêu dùng trên thị trường nhận biết nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của tỉnh (lúa, nếp; nấm ăn, nấm dược liệu; bò thịt; tôm, cá, lươn; rau ăn lá, rau củ, rau ăn quả; xoài VietGAP) trên cơ sở áp dụng những quy trình, quy chuẩn theo hướng an toàn; sản phẩm chế biến phát sinh từ các sản phẩm chủ lực. Đến nay, Sở KH&CN đã vận động và trao quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận An Giang cho 38 tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp và cấp 126.000 tem Nhãn hiệu chứng nhận cho tổ chức và cá nhân. Thực hiện Quyết định 1965/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang từ nay đến năm 2020, Sở KH&CN đã hỗ trợ chi phí đăng ký 140 nhãn hiệu cá thể, 10 nhãn hiệu tập thể, 15 kiểu dáng công nghiệp và 05 giải pháp hữu ích; qua đó góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh các sản phẩm, dịch vụ địa phương, sau khi được hỗ trợ bảo hộ tài sản trí tuệ, một số doanh nghiệp bước đầu đã khai thác tài sản trí tuệ một cách có hiệu quả.

4. Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo: ngày càng được chú trọng, coi đó là một trong những nội dung hoạt động cốt lõi trong các hoạt động nhằm thu hút đầu tư từ các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp cho KHCN. Thời gian qua, trên địa bàn tỉnh có nhiều doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hoạt động đổi mới công nghệ; một số dự án khởi nghiệp, một số vườn ươm đã hình thành và

bước đầu đi vào hoạt động. Chương trình đổi mới công nghệ Quốc gia đến năm 2020 được Trung ương hỗ trợ thực hiện 02 dự án: Dự án “Nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới để tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao từ phụ phẩm cá tra trên địa bàn tỉnh An Giang và một số tỉnh vùng Tây Nam Bộ” của Tập đoàn Sao Mai đã hoàn thiện quy trình công nghệ và hệ thống thiết bị sản xuất dầu ăn quy mô 50 tấn sản phẩm/ngày, sản phẩm đạt chất lượng tốt. Dự án “Hoàn thiện thiết kế và chế tạo hệ thống sấy lúa vi ngang năng suất 150 tấn/mẻ, do doanh nghiệp tư nhân Năm Nhã thực hiện từ năm 2016-2018”. Thông qua Chương trình Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KHCN (Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 31/3/2011 và Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 10-3-2016), từ năm 2011-2020 đã hỗ trợ kinh phí thực hiện cho 32 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh ứng dụng, đổi mới công nghệ với số tiền gần 8,7 tỷ đồng (chiếm khoảng 14% tổng kinh phí đầu tư) và hỗ trợ 41 mô hình, dự án cho các ngành, địa phương trình diễn về qui trình, kỹ thuật sản xuất mới với số tiền gần 17,78 tỷ đồng (chiếm khoảng 20% tổng kinh phí đầu tư). Bên cạnh đó, tỉnh còn triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang giai đoạn 2018-2025. Hằng năm, Sở KH&CN phối hợp với Tỉnh Đoàn tổ chức cuộc thi “Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp tỉnh An Giang”; với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức cuộc thi: “Phụ nữ An Giang sáng tạo, khởi nghiệp - kết nối thành công”; tổ chức Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Techfest); tổ chức các lớp tập huấn “Tìm kiếm ý tưởng sáng tạo” tại trường Đại học An Giang; tổ chức hội thảo, tọa đàm “Định hướng phát triển đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang” và tổ chức nhiều hoạt động đào tạo về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo...

Các tổ chức hoạt động KHCN, doanh nghiệp ngày càng chú trọng đến chất lượng, hiệu quả hoạt động nên số lượng các công trình được công bố quốc tế và số lượng các sáng chế được bảo hộ trong nước và ở nước ngoài ngày một tăng. Giai đoạn 2011-2020, có 08 bài báo đăng tạp chí quốc tế thông

qua triển khai các nhiệm vụ KH&CN, có 12 đơn sáng chế (dự kiến được cấp 04 sáng chế). Số lượng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh đang tăng dần. Nếu giai đoạn 2001-2010 chưa có doanh nghiệp đăng ký hoạt động thì giai đoạn 2011-2020 có 04 doanh nghiệp KH&CN được cấp giấy phép hoạt động.

5. Hoạt động quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: từng bước hoạt động hiệu quả, là công cụ đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, như: Chương trình xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế đã có 47 doanh nghiệp và 20 đơn vị sự nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận theo ISO 9001, HACCP, ISO 14001; hỗ trợ kinh phí công bố sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương cho 19 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất khô cá, mắm cá (công bố 30 sản phẩm khô cá, mắm cá); hỗ trợ 13 đơn vị xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và áp dụng một số công cụ nâng cao năng suất chất lượng; 04 đơn vị đạt giải Bạc Giải thưởng chất lượng Quốc gia; Chương trình xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 cho các đơn vị hành chính công đã có 100% các cơ quan đã thực hiện công bố HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ (22 sở, ngành cấp tỉnh; 11 huyện, thị xã, thành phố; 13 chi cục thuộc sở và 156 UBND xã, phường, thị trấn). Từ năm 2011 đến 2019, thực hiện kiểm định 92.402 lượt phương tiện đo trên địa bàn tỉnh.



Lễ công bố quyết định và trao bằng bảo hộ Nhãn hiệu chứng nhận An Giang

6. Hoạt động quản lý nhà nước về an toàn bức xạ, hạt nhân: từng bước nhận thức của các cơ sở sử dụng các thiết bị X-quang ứng dụng trong chụp, chẩn đoán y tế được nâng lên, từ đó đã phòng tránh được tác hại do bức xạ tia gây ra, đảm bảo sức khỏe cho nhân viên và công chúng. Kết quả đã thẩm định cấp, gia hạn và sửa đổi 159 giấy phép tiến hành công việc bức xạ và 93 chứng chỉ nhân viên bức xạ cho cán bộ phụ trách an toàn các cơ sở X-quang y tế trên địa bàn tỉnh toàn tỉnh; xây dựng và được Bộ KH&CN phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh An Giang (theo Quyết định số 1927/QĐ-BKH&CN ngày 06/7/2018 của Bộ KH&CN) và UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 thành lập Ban Chỉ huy, Tổ giúp việc ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân tỉnh An Giang.

7. Hoạt động thông tin KH&CN: được thực hiện đa dạng với nhiều hình thức như: Tuyên truyền trên Báo An Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang; tuyên truyền trên môi trường mạng (website Sở KH&CN, website TBT-Agi); thông qua Hội thảo về KH&CN, phiên kết nối cung cầu công nghệ; tập huấn tuyên truyền KH&CN; biên soạn và phát hành các ấn phẩm thông tin, tuyên truyền, Bản tin KH&CN.

8. Công tác hợp tác trong và ngoài nước: được UBND tỉnh quan tâm và đã triển khai thực hiện nhiều chương trình hợp tác như: ký kết hợp tác với Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại



Kiểm định cân đồng hồ lò xo (cân cấp 4) tại chợ của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN AG

học Cần Thơ; và Sở KH&CN ký kết hợp tác với Sở KH&CN (TP. Hồ Chí Minh, TP. Cần Thơ), Khu Nông nghiệp công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, Trung tâm Công nghệ sinh học TP. Hồ Chí Minh đạt một số kết quả ban đầu. Đặc biệt, UBND tỉnh đã ký kết hợp tác với Trường Đại học SAGA Nhật Bản; thành phố Pitea, thành phố Vaxjo, Cơ quan năng lượng Thụy Điển; qua đó sẽ triển khai một số dự án như: Dự án “Kế hoạch hành động để sử dụng chất thải từ cây lúa” - hợp tác với Pitea; dự án “Nâng cao năng lực thực hành quản lý chất thải rắn ở thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang” - hợp tác với Vaxjo; dự án “Nâng cao năng lực và xây dựng đề án định hướng phát triển mô hình nhà máy đồng phát điện - nhiệt từ trấu ở quy mô kết hợp nhà máy xây xát lúa tỉnh An Giang” - Hợp tác với Cơ quan năng lượng Thụy Điển.

9. Các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh: đã chú trọng đến ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý và đào tạo cán bộ. Công tác tin học hoá hoạt động của các cơ quan Nhà nước với quá trình cải cách hành chính nhằm phục vụ lợi ích công cộng của nhân dân, phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Hiện nay, tỉnh đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng hệ thống giao ban điện tử trực tuyến với 11/11 huyện, thị xã, thành phố và 156/156 xã, phường, thị trấn; 100% các cơ quan Nhà nước ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, công tác chuyên môn, 100% thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị được công khai trên Cổng thông tin điện tử.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển KHCN trên địa bàn tỉnh còn có một số tồn tại, hạn chế: Cấp ủy đảng, chính quyền ở một số nơi chưa quan tâm đúng mức hoạt động KHCN; nguồn ngân sách chi nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở còn hạn chế; tổ chức quản lý và cơ chế tài chính cho hoạt động KHCN còn nhiều bất cập; công tác xã hội hóa các hoạt động KHCN chưa đạt hiệu quả thiết thực, nhất là các nghiên cứu nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh; đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của tỉnh còn thiếu những nhà khoa học có khả năng nghiên cứu

chuyên sâu về một số lĩnh vực chuyên môn. Công tác ứng dụng kết quả các nghiệm vụ KHCN chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu các giải pháp tạo động lực đối với chuyển giao ứng dụng vào cuộc sống; còn lúng túng trong xử lý khi kết quả nhiệm vụ có phát sinh lợi nhuận khi chuyển giao. Quá trình đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp còn chậm; chưa có nhiều nhiệm vụ KHCN có sự liên kết giữa nhà quản lý, viện trường và doanh nghiệp; hoạt động trao đổi, mua bán công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu KHCN chưa phổ biến. Các doanh nghiệp ở địa phương hầu hết là doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhu cầu đổi mới công nghệ chưa cao, song Nhà nước lại chưa có các cơ chế, chính sách đồng bộ, hiệu quả ở tầm vĩ mô để thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh. Công tác hỗ trợ và các hoạt động khởi nghiệp còn diễn ra đơn lẻ, tính liên thông, liên kết chưa cao; chưa tiếp cận, khai thác hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương và các tỉnh, thành phố lớn đối với các quỹ đầu tư, mạng lưới nhà đầu tư, cố vấn, chuyên gia; các tổ chức hỗ trợ uơm tạo, thúc đẩy kinh doanh, cung cấp dịch vụ liên quan. Một số tổ chức, cá nhân vẫn chưa nhận thức được ý nghĩa và vai trò của việc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp nên vẫn còn xảy ra tình trạng xâm phạm bản quyền của người khác. Sản phẩm của nhiều doanh nghiệp chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và khu vực; nhiều doanh nghiệp chưa quan tâm bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ, dẫn đến tình trạng đánh mất thị trường tiêu thụ hoặc giảm giá trị danh tiếng của sản phẩm...

Những kết quả đạt được trong thời gian qua là sự tiếp nối quan trọng các thành tựu, là nền tảng tạo đà phát triển trong giai đoạn mới. Bằng sự quyết tâm, đoàn kết thống nhất, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, cùng sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ tạo nên những đột phá mới trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra, tham gia phát triển các ngành, lĩnh vực, góp phần đưa tỉnh An Giang phát triển nhanh và bền vững./.

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC SỞ HỮU TRÍ TUỆ NĂM 2022

Phòng Quản lý Chuyên ngành
Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Triển khai thực hiện Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 (Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ), nhằm mục đích thúc đẩy sáng tạo, xác lập, khai thác và phát triển quyền sở hữu trí tuệ, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Một số nội dung đã triển khai và kết quả đạt được trong năm 2022 như sau:

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ: Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 Quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước đến năm 2030, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh An Giang đến năm 2030, Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 phê duyệt Kế hoạch Phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh An Giang đến năm 2030, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Hướng dẫn số 1734/HD-SKHCHN ngày 27/12/2022 hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh An Giang đến năm 2030 và Quyết định số 312/QĐ-SKHCHN ngày 27/12/2022 phê duyệt biểu mẫu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh An Giang đến năm 2030.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ: Công tác quản lý nhà nước về SHTT đã và đang tập trung

thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ, tuyên truyền phổ biến, đào tạo, tập huấn kiến thức về sở hữu trí tuệ, hướng dẫn đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với tổ chức, cá nhân và tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật, kiến thức cơ bản về sở hữu trí tuệ cho cán bộ làm công tác quản lý, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiến hành thủ tục xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; tiếp nhận và xử lý các yêu cầu sử dụng địa danh hoặc dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương trong đăng ký nhãn hiệu và trình cơ quan có thẩm quyền cho phép đăng ký và sử dụng địa danh theo quy định; tuyên truyền về sở hữu công nghiệp cho cán bộ làm công tác quản lý, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc phát triển tài sản trí tuệ; triển khai các biện pháp phổ biến, khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sáng chế, sáng kiến, đổi mới sáng tạo tại địa phương: tổ chức 02 lớp tập huấn “Quyền sở hữu trí tuệ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” và “Quản trị tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp” cho các sở, ban ngành tỉnh, UBND huyện, thị, thành phố và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Hướng dẫn hồ sơ thủ tục đăng ký xác lập quyền 26 nhãn hiệu, gia hạn 02 nhãn hiệu; Trình UBND tỉnh cho phép Hợp tác xã

Globalgap Mỹ An sử dụng địa danh “Mỹ An” để đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu tập thể “SAFETY VEGETABLE REGION MANUFACTURE RAU AN TOÀN, MỸ AN, hình lá rau” và cho phép Sở Khoa học và Công nghệ được sử dụng địa danh “An Giang” để đăng ký bổ sung sản phẩm của Nhãn hiệu chứng nhận An Giang. Hoạt động này đã từng bước tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức cho xã hội, đặc biệt cán bộ cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về sở hữu trí tuệ.

3. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ:

Công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT đã từng bước được tăng cường. Đồng thời, đã tích cực và chủ động phát hiện, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm về SHTT. Hoạt động sản xuất hàng giả, hàng xâm phạm quyền SHTT trên địa bàn tỉnh vẫn còn xảy ra nhưng với hình thức, quy mô nhỏ lẻ, phạm vi hẹp.

4. Thúc đẩy các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ: Các hoạt động hỗ trợ để tạo lập, phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh đã được triển khai, chủ yếu tuyên truyền, tập huấn, tư vấn và hướng dẫn tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện đăng ký xác lập và bảo vệ quyền SHTT cho các sản phẩm, dịch vụ do mình tạo ra và thực hiện lồng ghép vào một số Chương trình, kế hoạch phát triển của tỉnh.

Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang: Hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ 01 sáng chế và 37 nhãn hiệu.

Thực hiện Kế hoạch đẩy mạnh phát triển

Nhãn hiệu chứng nhận An Giang đối với sản phẩm nông nghiệp đã được bảo hộ và một số sản phẩm có tiềm năng của tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030: tổ chức tuyên truyền, vận động 31 cơ sở; ban hành Quyết định và gia hạn trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang cho 16 cơ sở; hỗ trợ 43.000 tem nhãn hiệu chứng nhận An Giang cho 07 tổ chức, cá nhân đã được trao quyền sử dụng.

Hỗ trợ chi phí thay đổi mẫu mã, kiểu dáng bao bì đối với sản phẩm OCOP của tỉnh An Giang năm 2022 cho sản phẩm bưởi da xanh - Hộ kinh doanh mua bán lúa gạo và lúa giống Hùng Hạnh nhằm hoàn thiện sản phẩm, hấp dẫn khách hàng hơn, góp phần gia tăng giá trị cho sản phẩm OCOP tỉnh An Giang.

Tổ chức đoàn tham gia trưng bày và tham dự sự kiện tại Techfest Vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên năm 2022 tại Tỉnh Khánh Hoà và Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng ĐBSCL - Techfest Mekong 2022 tại TP. Cần Thơ, sự kiện đã giới thiệu được một số sản phẩm khởi nghiệp của tỉnh đến các địa phương trong nước.

Phối hợp với Đại học Nguyễn Tất Thành tổ chức tập huấn “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2022” cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ phụ trách KNĐMST của các Sở ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố; Trường Đại học An Giang, các trường Cao đẳng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Phối hợp với Ban chấp hành Tỉnh Đoàn An Giang Tổ chức cuộc thi “Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp” tỉnh An Giang lần thứ VI

năm 2022; Ban Chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu ý tưởng, đề án phụ nữ khởi nghiệp, sáng tạo lần thứ II năm 2022”.

Tổ chức tuyên truyền cho trên 500 đại biểu trên địa bàn toàn tỉnh về Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang đến năm 2025; Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Đẩy mạnh tuyên truyền trên báo, đài, website và Bản tin KH&CN của tỉnh giới thiệu nhiều mô hình, đề tài nghiên cứu, dự án ứng dụng đổi mới công nghệ nổi bật trên địa bàn tỉnh; tổ chức phiên kết nối cung cầu công nghệ “Giới thiệu một số quy trình chế biến sản phẩm mới”; hỗ trợ triển khai thực hiện 05 dự án (theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang); Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh gồm 08 đề tài và 01 dự án KH&CN thực hiện năm 2022-2023.

Sở Khoa học và Công nghệ triển khai chương trình phối hợp về công tác khoa học và công nghệ giữa Đảng ủy Sở với các huyện, thị, thành ủy giai đoạn 2021-2025, một số nhiệm vụ KHCN đã được hỗ trợ triển khai thực hiện tại các địa phương: TP. Long Xuyên (nhiệm vụ “Nghiên cứu sản xuất giống cá sát (*Pangasius macronema* Bleeker, 1851) tại tỉnh An Giang” do Trung tâm giống thủy sản An Giang chủ trì); thị xã Tân Châu (nhiệm vụ “Nghiên cứu phát triển sản xuất và tiêu thụ xoài thơm

Vĩnh Hòa gắn với phát triển du lịch sinh thái tỉnh An Giang” do Trường Đại học An Giang chủ trì); Các Huyện Châu Phú, Châu Thành, Thoại Sơn (nhiệm vụ “Xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu phục vụ Đề án xây dựng và phát triển thương hiệu gạo An Giang tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang” do Viện Nghiên cứu nông nghiệp công nghệ cao ĐBSCL chủ trì); Huyện Chợ Mới (nhiệm vụ “Hỗ trợ nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm từ xoài và chuyển giao kết quả đề tài đã nghiên cứu, được nghiệm thu cho huyện”).

Tổ chức làm việc trên 25 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm nắm bắt nhu cầu; đề xuất nghiên cứu giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp trên cơ sở KH&CN dưới hình thức đề xuất nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Thảo luận một số nội dung về hoạt động nghiên cứu, phát triển (R&D); thành lập, vận hành quỹ phát triển KH&CN; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm của doanh nghiệp... Qua đó hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng 02 phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh nhằm giải quyết nhu cầu cấp thiết của doanh nghiệp tại địa phương. Hội đồng đã xét chọn 01 đề xuất đưa vào danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thực hiện năm 2022-2023.

5. Khuyến khích, nâng cao hiệu quả khai thác tài sản trí tuệ: Hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng công cụ SHTT để tra cứu thông tin trước khi tiến hành nộp đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp.

6. Tăng cường nguồn nhân lực cho hoạt động sở hữu trí tuệ: Thường xuyên cử công chức, viên chức tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về sở hữu trí tuệ và các hoạt động liên quan do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Trung ương,

Trường Đại học tổ chức nhằm có thêm nhiều thông tin và kiến thức để triển khai áp dụng thực tế cho địa phương: Lớp tập huấn chuyên sâu về sở hữu trí tuệ; các lớp tập huấn nâng cao năng lực về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thương mại hóa và sở hữu trí tuệ cho đội ngũ xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp địa phương; hội thảo Những giải pháp thúc đẩy bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của Việt Nam tại một số thị trường trọng điểm.

7. Hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội: Hoạt động tuyên truyền SHTT được triển khai thường xuyên, đặc biệt vào dịp kỷ niệm ngày SHTT thế giới (26/4): Sở ban ngành, đoàn thể tỉnh, UBND huyện, thị, thành phố, tổ chức KH&CN, Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang treo băng rôn, khẩu hiệu tại trụ sở cơ quan, đơn vị đồng hưởng ứng Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới; Định kỳ, Báo và Đài Phát thanh truyền hình An Giang thực hiện chuyên mục các Sở hữu trí tuệ và cuộc sống. Việc phổ biến, tuyên truyền về SHTT đã có những đóng góp hết sức quan trọng vào việc nâng cao nhận thức của xã hội và cộng đồng về SHTT. Thông qua việc phát sóng chuyên mục về SHTT trên Đài phát thanh và truyền hình tỉnh đã góp phần tạo chuyển biến tích cực nhận thức của các cấp, ngành về SHTT. Đây là kênh truyền tải và phương thức tuyên truyền rất hữu hiệu đưa SHTT đến mọi đối tượng, ngành nghề,... qua đó đã nâng cao nhận thức về SHTT cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thực thi quyền sở hữu trí tuệ và thúc đẩy các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ trên địa bàn



Hội nghị tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật về KH&CN và Hội thảo phát triển thị trường KH&CN năm 2022 do Sở KH&CN An Giang tổ chức

tỉnh và bước đầu hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội.

8. Định hướng hoạt động năm 2023

Tổ chức định kỳ chương trình bồi dưỡng kiến thức về sở hữu trí tuệ cho các cán bộ đầu mối theo hướng chuyên sâu từng bước.

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tăng cường ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và đẩy mạnh bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh, tăng cường khai thác sáng chế đã hết thời gian bảo hộ.

Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm, dịch vụ của tỉnh thông qua hỗ trợ xác lập, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ.

Tăng cường sự gắn kết với các ngành hỗ trợ phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp địa phương qua hình thức (nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý) nhằm phát triển sản xuất, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp của tỉnh qua việc triển khai thống nhất, đồng bộ hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất như xây dựng, bảo vệ, quản lý, khai thác và phát triển quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý; Hỗ trợ hoạt động thương mại, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp./.

ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG, CHUYÊN GIAO VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

ThS. Nguyễn Dương Quỳnh

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Từ năm 2016 đến nay, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều chính sách nhằm hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất. Trong đó, có Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 về việc hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020 (được thay thế bằng Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang). Việc cụ thể hóa quyết định nêu trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ) nâng cao trình độ công nghệ góp phần hợp lý hóa sản xuất, tạo sản phẩm mới có chất lượng, giá trị kinh tế cao và thân thiện với môi trường; Xây dựng và nhân rộng nhiều dự án ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ góp phần đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, tiến tới nâng cao hiệu quả KT-XH đạt hơn 1,3 lần bình quân toàn tỉnh so với hiệu quả sản xuất cùng nhóm sản phẩm; Thương mại hóa ít nhất 10% kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do ngân sách tỉnh đầu tư.

Thực hiện Chương trình hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang. Giai

đoạn 2016 - 2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã hỗ trợ 49 dự án thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, ứng dụng đổi mới công nghệ, thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí 115,14 tỷ đồng, trong đó, nguồn sự nghiệp KH&CN hỗ trợ 19,64 tỷ đồng (chiếm 17,06%), các nguồn khác đóng góp hơn 95,5 tỷ đồng (chiếm 82,94%) nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, doanh nghiệp KH&CN, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao thực hiện chuyển giao và ứng dụng, đổi mới công nghệ. Từ đó nhiều doanh nghiệp, cơ sở đã được chuyển giao công nghệ và ứng dụng vào sản xuất, góp phần tăng giá trị sản xuất trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt là tác động hiệu quả và thiết thực với thực tiễn đặc thù của tỉnh An Giang như:

1. Thực hiện Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 23/01/2014 của UBND tỉnh về việc tổ chức triển khai phát triển sản xuất, sử dụng vật liệu xây không nung và lộ trình xóa bỏ lò gạch thủ công đến năm 2020, Sở Khoa học và Công nghệ đã ưu tiên hỗ trợ cải tiến, hoàn thiện quy trình sản xuất gạch không nung cho các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Với công nghệ sản xuất gạch không nung đã đáp ứng nhu cầu giảm thiểu ô nhiễm, tiết kiệm năng lượng bước đầu giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và tài nguyên đất (không phát ra khí thải, không ảnh hưởng đến tài nguyên đất); sử dụng nguyên liệu sẵn có tại địa phương



Tham quan mô hình thực tế về công nghệ sản xuất bê tông nhẹ tại Đồng Tháp

(cát, mặt đá, xi măng và một số phế phẩm có thể đóng rắn khác); Với hình dáng, kích thước, cường độ chuẩn hơn gạch đất nung, sản phẩm phù hợp với chiến lược phát triển vật liệu xây dựng không nung của Chính phủ. Đặc biệt, giúp tiết kiệm, giảm chi phí xây dựng công trình và bảo vệ môi trường. Theo đó, đã hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án: (i) Thử nghiệm và hoàn thiện quy trình sản xuất gạch không nung bê tông cho Công ty TNHH MTV Xây Lắp An Giang; (ii) Thử nghiệm và hoàn thiện quy trình sản xuất gạch không nung xi măng cốt liệu cho Công ty cổ phần địa ốc An Giang với tổng kinh phí là 4,696 tỷ đồng, nguồn sự nghiệp KH&CN hỗ trợ 600 triệu đồng, các đơn vị tự đối ứng 4,096 tỷ đồng.

Đồng thời, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức phiên kết nối cung cầu công nghệ với chủ đề Công nghệ và thiết bị sản xuất gạch không nung cho các cơ sở, sản xuất kinh doanh lò gạch nung trên địa bàn tỉnh tiếp cận với công nghệ sản xuất gạch nhẹ (Block bê tông bọt) từ xi măng, cát và phụ gia; công nghệ sản xuất gạch không nung từ đá mặt, cát, phế thải xây dựng,...., phiên kết nối đã thu hút hơn 20 đại biểu là đại diện của các cơ sở sản xuất gạch nung trên địa bàn tỉnh An Giang tham dự.

Những hoạt động, sự kiện nêu trên đã tạo động lực cho việc chuyển đổi vật liệu

xây truyền thống giúp người sản xuất, người sử dụng tiếp cận thói quen sử dụng vật liệu không nung và trên hết là góp phần vào việc tiết kiệm chi phí đầu tư công trong giai đoạn kinh tế đất nước còn khó khăn, phù hợp nhu cầu thị trường và định hướng phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng trong thời gian tới. Đặc biệt, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

2. Phối hợp với các ngành triển khai Đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ); đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản đáp ứng yêu cầu nông phẩm khát khe khi xuất khẩu sang các thị trường nước ngoài, đặc biệt tỉnh

An Giang là vùng nông nghiệp chuyên về lúa gạo. Máy tách màu gạo là một thiết bị không thể thiếu trong dây chuyền chế biến gạo hiện đại nhằm tự động hóa quá trình chọn lựa, phân loại những hạt chất lượng kém ra khỏi thành phẩm, cho ra những hạt gạo đạt tiêu chuẩn về chất lượng. Năm 2017, Sở Khoa học và Công nghệ đã hỗ trợ 03 doanh nghiệp ứng dụng máy tách màu AnySort C640 trong dây chuyền chế biến để nâng cao chất lượng gạo thành phẩm



Máy tách màu AnySort C640



Máy tách màu 6SXM-1008FS

với tổng số tiền là 6,9 tỷ đồng, kinh phí sự nghiệp KH&CN hỗ trợ là 650 triệu đồng, kinh phí đối ứng của các doanh nghiệp là 6,265 tỷ đồng. Mục tiêu là hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh gạo trên địa bàn tỉnh đầu tư 01 máy tách màu AnySort C640/doanh nghiệp (thiết bị nằm trong công đoạn cuối của dây chuyền chế biến gạo chất lượng cao; Sản phẩm ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, sử dụng cảm biến nhận dạng hình ảnh với chức năng xử lý tín hiệu kỹ thuật số tốc độ cao); Năng suất gạo đạt tiêu chuẩn xuất khẩu của doanh nghiệp đạt 8.000 tấn/năm và tiêu chuẩn gạo (5% tấm) sau công đoạn tách màu là tiêu chuẩn xuất khẩu. Bên cạnh đó, năm 2018 Sở Khoa học và Công nghệ còn hỗ trợ DNTN Nam Thành ứng dụng máy tách màu 6SXM-1008FS với tổng kinh phí 2,533 tỷ đồng, trong đó kinh phí sự nghiệp KH&CN hỗ trợ 209 triệu đồng, DNTN Nam Thành đối ứng 2,324 tỷ đồng. Máy tách màu 6SXM-1008FS với nhiều tính năng vượt trội so với máy AnySort C640, có thể phân tích nguyên liệu tự động, độ chính xác $\geq 99.9\%$ (tách gạo dài ra khỏi gạo tròn, tách tấm ra khỏi gạo), tỷ lệ lẫn hạt bạc bụng, hạt đỏ và sọc đỏ, hạt vàng, hạt hư và tỷ lệ lẫn tạp chất rất thấp. Việc triển khai đầu tư hoàn thiện 01 máy tách màu 6SXM-1008FS trong dây chuyền chế biến để nâng cao chất lượng gạo thành phẩm giúp doanh nghiệp đạt công suất gạo

tách màu đạt trên 20.000 tấn/năm, thu hồi vốn trong vòng 0,62 năm (tương đương 8 tháng). Từ kết quả thực tế nêu trên, có thể nhận thấy doanh nghiệp sau khi ứng dụng máy tách màu AnySort C640 và máy tách màu 6SXM-1008FS trong dây chuyền chế biến để nâng cao chất lượng gạo thành phẩm đã nâng cao chất lượng sản phẩm, hoàn thiện quy trình sản xuất của doanh nghiệp, đáp ứng được điều kiện cần để doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh sản xuất gạo thành phẩm, góp phần tăng lợi nhuận và sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

3. Để tiếp tục triển khai việc hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các thành tựu khoa học và công nghệ vào thực tế sản xuất và đời sống, đồng thời thực hiện tốt Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/6/2012 của Tỉnh ủy về phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục hỗ trợ triển khai nhiều nhiệm vụ KH&CN ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, tiến tới nâng hiệu quả kinh tế địa phương với tổng kinh phí thực hiện là 45,7 tỷ đồng, kinh phí sự nghiệp KH&CN hỗ trợ là 12 tỷ đồng, kinh phí đối ứng của các đơn vị là 33,7 tỷ đồng, trong đó nổi bật là các dự án:



Nhà trồng nấm sử dụng hệ thống tạo ẩm bằng sóng siêu âm, bộ điều khiển chế độ bật, tắt thiết bị tưới bằng Smartphone



Nhà sấy nấm bằng năng lượng mặt trời

(i) Sản xuất thử nghiệm nấm linh chi theo hướng công nghệ cao tại huyện Thoại Sơn (Hộ kinh doanh sản xuất rau màu Nguyễn Hùng Sinh thực hiện): Điểm mới của dự án là nhà trồng đều sử dụng công nghệ, đầu tư hệ thống tạo ẩm bằng sóng siêu âm, bộ điều khiển chế độ bật, tắt thiết bị tưới bằng Smartphone, giúp tiết kiệm công lao động, kiểm soát điều kiện nuôi trồng nên nấm phát triển tốt, tăng năng suất và đặc biệt không rửa trôi bào tử trên tai nấm. Bên cạnh đó, dự án còn ứng dụng nhà sấy nấm bằng năng lượng mặt trời để phơi nấm sau thu hoạch theo nguyên lý hiệu ứng nhà kính, tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao hơn so với sản phẩm sản xuất theo phương pháp truyền thống.

(ii) Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất cây giống rau (Cơ sở ươm giống cây rau Út Nay thực hiện): Với mục tiêu ứng dụng công nghệ tiên tiến vào ươm cây giống rau cung cấp cây giống tốt đạt tiêu chuẩn, kiểm soát được sâu bệnh, độ đồng đều cao, vừa sản xuất được số lượng lớn theo đơn đặt hàng, vừa đảm bảo chất lượng cây giống và giá thành rẻ, tăng khả năng cạnh tranh với sản phẩm cùng loại. Cụ thể: Cơ sở ươm giống cây rau Út Nay đã đầu tư xây dựng một nhà màng kiểu hở một bên với diện tích 4.000 m², sử dụng màng phủ do Israel sản xuất, tăng công suất gieo ươm

cây giống lên 100%, giảm 30-50% công lao động, sản xuất cây giống quanh năm với số lượng 5 triệu cây/năm, giảm hao hụt cây con (từ 10% xuống còn 3% tại khâu gieo ươm); Hạ giá thành sản xuất giống do cơ giới hóa, tự động hóa (đầu tư máy gieo hạt, máy đóng bầu đất) và nhà màng làm giảm chi phí thuốc bảo vệ thực vật 70%. Dự án giúp tăng chất lượng và số lượng cây giống cung cấp cho thị trường, đảm bảo cho nông dân trồng rau trong khu vực và huyện lân cận có nguồn giống đầy đủ, đảm bảo chất lượng; hạn chế tác hại của sâu bệnh, giảm một lượng lớn thuốc hoá học phòng trừ sâu, bệnh cho cây giống, góp phần giảm ô nhiễm môi trường do hoá chất phục vụ nông nghiệp. Đến nay, cơ sở này vẫn tiếp tục duy trì hoạt động và ngày càng mở rộng quy mô sản xuất, cho thấy khả năng duy trì và nhân rộng kết quả dự án là rất khả thi.



Sản xuất cây giống rau trong nhà màng kiểu hở một bên với diện tích 4.000 m²

(iii) Dự án sản xuất thử nghiệm dưa lưới trong nhà màng sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt (Công ty TNHH Trang trại hữu cơ 7 Núi thực hiện): Công ty đã trồng và xây dựng thành công 02 quy trình kỹ thuật canh tác trên 02 giống dưa lưới Sweet 695 và dưa lưới Bảo Khuê (kỹ thuật quản lý dinh dưỡng tổng hợp và kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh hại). Hiệu quả cho thấy sau 65-75 ngày cho thu hoạch, năng suất dưa lưới đạt từ 3,7 - 4,3 tấn/1.000m², doanh thu đạt 429-499 triệu đồng/1.000m²/4 vụ/năm, sản phẩm có chứng nhận VietGAP và có đơn vị hợp đồng bao tiêu. Hiện tại, công ty đã mở rộng 5,7 hecta nhà màng, nhân công lao động từ vài người đã tăng lên 70 người. Dự kiến trong thời gian tới sẽ mở rộng thêm diện tích sản xuất. Kết quả đạt được của dự án đã khẳng định sự đóng góp của khoa học - công nghệ trong việc tăng năng suất, chất lượng sản phẩm dưa lưới, giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả trên đơn vị đất canh tác.

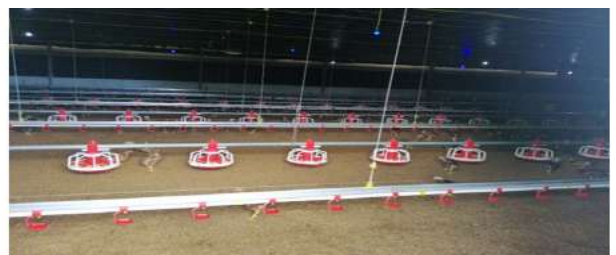
(iv) Xây dựng trang trại nuôi heo thịt theo hướng công nghệ cao tại huyện Tịnh Biên (Công ty TNHH nông nghiệp công nghệ cao An Khang thực hiện): nhằm xây dựng mô hình chăn nuôi heo theo hướng khép kín, sản phẩm thịt tạo ra sạch bệnh, không có chất cấm trong sản phẩm và giá thành được bao tiêu theo hợp đồng kinh tế, giải quyết các vấn đề môi trường như: ô nhiễm không khí do mùi hôi và xử lý chất thải, nước thải sau chăn nuôi và tận dụng phụ phẩm trong quá trình chăn nuôi để sản

xuất phân hữu cơ sinh học ứng dụng cho cây trồng. Công ty đã triển khai xây dựng trang trại gồm 04 chuồng heo thịt với diện tích mỗi chuồng là 1.440m² (16m x 90m) theo hướng công nghệ cao, sản xuất 02 vụ/năm, mỗi vụ 1.100 con/chuồng và hiệu quả kinh tế của mô hình đem lại lợi nhuận tăng 150 triệu so với phương pháp truyền thống, đặc biệt mô hình chăn nuôi này còn cho thấy hiệu quả về độ an toàn trong thời điểm xảy ra dịch bệnh thời gian qua.



Mô hình chăn nuôi heo theo hướng khép kín

(v) Ứng dụng hệ thống chuồng kín trong chăn nuôi gà thịt an toàn sinh học tại huyện Châu Phú (Trang trại chăn nuôi gà Tam Hoàng thực hiện): nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản xuất theo hướng phát triển trang trại bền vững, áp dụng quy trình chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, hợp vệ sinh, sạch bệnh và không dùng chất cấm trong chăn nuôi, đảm bảo an toàn dịch bệnh, đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Trang trại chăn nuôi gà Tam Hoàng đã thử nghiệm quy trình nuôi gà thịt an toàn với quy mô 02 chuồng và diện tích mỗi chuồng là 1.400 m² (14m x 100m).



Hệ thống chuồng kín trong chăn nuôi gà thịt an toàn sinh học

Tỷ lệ sống của gà đạt 97%; Năng suất bình quân cho mỗi chuồng nuôi là 18.000 con gà/vụ, đạt sản lượng gà thịt xuất chuồng (3 đợt nuôi) trung bình khoảng 104.760 con/3 đợt/2 chuồng; Trọng lượng gà lúc xuất chuồng từ 2,7 - 3,2 kg/con; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn dịch bệnh và môi trường.

(vi) Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất xoài Ba màu có quy mô 500ha đạt tiêu chuẩn VietGAP gắn với chuỗi tiêu thụ sản phẩm”. Dự án đã vận động 730 hộ tham gia sản xuất xoài với diện tích khoảng 500ha tham gia vào Hợp tác xã trái cây GAP Chợ Mới - An Giang. Kết quả, có 576,74 ha đạt chứng nhận VietGAP cho sản phẩm xoài của Hợp tác xã trái cây GAP Chợ Mới An Giang với 651 hộ tham gia thực hiện mô hình và 7 mã vùng trồng (code) xuất khẩu vào thị trường Mỹ, Úc, New Zealand và Hàn Quốc.



Lễ công bố trao giấy chứng nhận xoài đạt tiêu chuẩn VietGAP và mã số vùng trồng

Các kết quả đạt được nêu trên đã góp phần nâng cao trình độ công nghệ, tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động sản xuất; thúc đẩy việc tăng cường hàm lượng khoa học và công nghệ trong các sản phẩm chủ lực của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm tỉnh An Giang so với thị trường cả nước, mở rộng thêm cơ

hội phát triển ra các thị trường nước ngoài.

Nhìn chung, hoạt động đẩy mạnh ứng dụng KH&CN trong giai đoạn 2016 – 2022, đã góp phần tăng giá trị sản xuất trên địa bàn và luôn bám sát định hướng phát triển KT-XH tỉnh An Giang. Việc tập trung triển khai nhiều chính sách và giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến phục vụ sản xuất, phát huy tốt vai trò là động lực thúc đẩy phát triển sản xuất, tạo ra sản phẩm có hàm lượng KH&CN, có sức cạnh tranh theo tiêu chuẩn thị trường.

Định hướng giai đoạn 2023 – 2030, ngành khoa học và công nghệ sẽ tập trung:

- Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của người lao động trên địa bàn tỉnh An Giang, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ và xúc tiến ứng dụng, áp dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng của các sản phẩm chủ lực (trong đó tập trung vào phát triển nguồn nhân lực đổi mới sáng tạo của người lao động trong khối doanh nghiệp và các nông dân An Giang đang có tiềm năng rồi).

- Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, có chính sách hỗ trợ đặc thù nhằm thúc đẩy phát triển nhiều sản phẩm phục vụ du lịch và xuất khẩu dựa trên cơ sở tăng cường chế biến, tạo giá trị gia tăng cho các nông sản chủ lực của tỉnh (trong đó tập trung vào chế biến trái cây, rau màu và dược liệu).

- Nhận dạng các du địa và xây dựng bộ công cụ, giải pháp phát triển các sản phẩm có thể mạnh của tỉnh như cây thảo dược đặc hữu gắn với tài sản địa danh của vùng.

(Xem tiếp trang 36)

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA TỈNH AN GIANG

Phòng Quản lý Khoa học

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo được xem là đòn bẩy để thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững. Đại hội XII của Đảng đặt ra nhiệm vụ *“Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế”*. Đến Đại hội XIII của Đảng, quan điểm phát triển khoa học và công nghệ tiếp tục được cụ thể *“Tiếp tục quán triệt, thực hiện nhất quán chủ trương khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế”*.

Trên cơ sở bám sát quan điểm chỉ đạo về phát triển KHCN và ĐMST, cũng như từ điều kiện thực tiễn địa phương và bối cảnh thời đại, tỉnh An Giang đã tổ chức thực hiện các nghiên cứu và ứng dụng thành công nhiều nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp ở nhiều lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương. Giai đoạn 2016-2020, tỉnh đã quyết định thực hiện và chuyển giao trên 130 đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh, hỗ trợ thực hiện trên 150 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Trong đó, nhiều công trình nghiên cứu tập trung nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm

hàng hóa địa phương, cụ thể:

Đối với nhóm sản phẩm nông nghiệp:

Các nghiên cứu tập trung vào sàng lọc, tuyển chọn, lai tạo nâng cao năng suất, chất lượng các đối tượng cây trồng, vật nuôi đặc hữu của tỉnh như phục tráng giống lúa Jasmine 85 Châu Phú; chọn tạo giống lúa nếp ngắn ngày, chất lượng tốt cho huyện Phú Tân; phục tráng và xây dựng quy trình canh tác theo hướng hữu cơ giống lúa đặc sản Nàng Nhen thơm vùng Bảy Núi; sưu tập bảo tồn và phát triển đa dạng hoá các sản phẩm chế biến từ các giống lúa mùa địa phương như lúa Mùa Nổi, lúa Mùa ruộng trên. Nghiên cứu nâng cao tỷ lệ đậu trái, hạn chế tỷ lệ trái cóc trên xoài Ba Màu; cải tạo vườn tạp thành các vườn cây ăn trái chuyên canh năng suất cao, chất lượng tốt. Nghiên cứu lai tạo giống bò địa phương với tinh bò nhập ngoại nhằm tạo ra các thế hệ con lai có tầm vóc và chất lượng thịt nâng cao; nghiên cứu thuần dưỡng và xây dựng quy trình sinh sản nhân tạo cá trên bầu; xây dựng quy trình ương giống và nuôi thương phẩm đáp ứng tiêu chuẩn nội địa và xuất khẩu cho cá lóc, cá rô phi, các điều hồng, cá chạch lấu.

Đồng thời, nhiều nghiên cứu cũng đã được triển khai nhằm vào xây dựng vùng canh tác quy mô lớn, tạo ra các sản phẩm đồng nhất, đồng chất như xây dựng cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng lớn 4H (hữu cơ, hiện đại, hài hòa, hợp tác); xây dựng vùng canh tác xoài Ba Màu huyện



Nhà phơi sấy bằng năng lượng mặt trời



Mô hình trồng chuối Philippine

Chợ Mới đạt tiêu chuẩn VietGAP 500ha; xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh như chuối giá trị cá lóc, lươn đồng, rau màu, xoài. Bên cạnh đó, các nghiên cứu phục vụ chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, giới thiệu mô hình nông nghiệp đô thị hiệu quả cũng được thực hiện theo đặt hàng của các địa phương Tịnh Biên, Châu Phú, Châu Đốc và Long Xuyên. Tỉnh cũng đã chú trọng xây dựng bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm chứng nhận tỉnh An Giang cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, phù hợp các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm hàng hóa, điều kiện vệ sinh an toàn của các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản thực phẩm.

Ngoài, ra tỉnh đã chú trọng hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả vào cộng đồng như hỗ trợ thiết bị gieo hạt theo bụi trong canh tác lúa huyện Tri Tôn và Tịnh Biên; sản xuất thử nghiệm máy thu gom rơm; ứng dụng hệ thống tưới tự động cho các mô hình canh tác; ứng dụng nhà sấy năng lượng mặt trời trong sấy các mặt hàng nông sản, dược liệu; mô hình thử nghiệm các giống cây, con mới như mô hình trồng chuối già Philippine nuôi cây mô, khoai môn cây mô, nuôi tôm

càng xanh toàn đực, dưa lưới sakura, golden Emerald, mô hình thử nghiệm sản xuất giống cá cóc,...

Đối với nhóm sản phẩm về dịch vụ du lịch:

Là một trong hai ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, du lịch cũng là lĩnh vực được chú trọng phân bổ nguồn lực cho các nghiên cứu xác định các loại hình du lịch đặc thù như du lịch làng nghề, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh; xây dựng các mô hình, tour/tuyến du lịch nhằm khai thác, phát triển các nền tảng giá trị văn hoá bản địa như giá trị văn hoá Óc Eo, văn hoá Chăm, Khmer, Hán Nôm; du lịch sinh thái Mỹ Hoà Hưng, du lịch làng nghề sinh thái Tân Châu, Lòng Hồ Tân Trung; xây dựng mô hình du lịch cho các sản phẩm OCOP tỉnh An Giang; xây dựng bản đồ GIS giới thiệu các địa điểm và thông tin du lịch tỉnh An Giang nhằm mục đích thu hút du khách và kéo dài thời gian lưu trú của du khách khi đến An Giang.

Đối với nhóm sản phẩm về dược liệu và dịch vụ y tế:

Tỉnh quan tâm nghiên cứu khai thác, phát triển các đối tượng dược liệu đặc hữu địa phương, xác định thành phần dược lý và nghiên cứu đa dạng hóa các sản phẩm là thực phẩm chức năng và thuốc trị bệnh nhằm gia



Du lịch sinh thái



Du lịch tâm linh

tăng giá trị cho các đối tượng dược liệu vùng Bảy Núi như ngải trắng, ngải đen, ngải bún, cà gai leo, chúc, sần đầu, đinh lăng lá nhỏ, chùm ngây, huyền tinh; hiện đại hóa các bài thuốc gia truyền bản địa có hiệu quả tốt như bài thuốc trị cao mỡ máu của Lương y Trần Quang Trung, bài thuốc trị viêm xoang của Bà Hồ Kim Phượng, bài thuốc hỗ trợ điều trị thoái hóa cột sống của Lương y Nguyễn Thiện Chung.

Các nghiên cứu nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, khám chữa bệnh như nghiên cứu mô hình bệnh tật tại Tp. Long Xuyên 2013 - 2017, đánh giá hiệu quả sử dụng thuốc Montelukast trong kiểm soát hen phế quản tại Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang, cá yếu tố ảnh hưởng lao phổi đa kháng thuốc kháng sinh tại tỉnh An Giang, siêu âm động mạch cảnh ngoài sọ trên bệnh nhân tăng huyết áp có đái tháo đường, các yếu tố liên quan bệnh sâu răng học sinh dân tộc thiểu số, xác định nguyên nhân và đưa ra giải pháp đối với hiện tượng tiểu không kiểm soát ở phụ nữ trong giai đoạn sau sinh, nghiên cứu tình hình sinh non và chăm sóc trẻ sinh non bằng phương pháp kangaroo tại Bệnh viện đa khoa Khu vực tỉnh, mô hình cấp cứu đột quỵ nhồi máu não cấp tại Bệnh viện Đa khoa Khu vực tỉnh An Giang, khảo sát siêu âm

động mạch cảnh sọ trên bệnh nhân tăng huyết áp có đái tháo đường.

Như vậy, nhờ ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN đã tạo ra chuyển biến về năng suất, chất lượng và hiệu quả ở các lĩnh vực nông nghiệp, du lịch, y tế, nhất là các nghiên cứu đột phá về dược liệu và sản phẩm từ các cây thuốc đặc hữu An Giang, nghiên cứu phát triển các bộ giống lúa và giống thủy sản, nghiên cứu phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương, nghiên cứu nhân rộng các mô hình trồng cây ăn trái, hoa kiểng đạt hiệu quả cao trên cơ sở ứng dụng KH&CN,... Qua đó, đã góp phần quan trọng nâng cao trình độ công nghệ, tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, thúc đẩy việc tăng cường hàm lượng KH&CN trong các sản phẩm chủ lực của tỉnh để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm An Giang ở thị trường nội địa và hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, do điểm xuất phát thấp của một tỉnh nông nghiệp, các tiền đề, nền tảng cho KH&CN, đổi mới sáng tạo còn rất hạn chế, nên kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được, cần phải nhìn nhận một số tồn tại, yếu kém trong công tác phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo ở tỉnh, chẳng

hạn như: Nguồn kinh phí thực hiện chuyển giao, ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu KH&CN còn hạn chế, định mức kinh phí cho một số nội dung chi phục vụ nghiên cứu KH&CN chưa phù hợp thực tế, trong khi chưa có sự chủ động tiếp nhận kết quả nghiên cứu của các doanh nghiệp, tổ chức KH&CN. Số lượng các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và tiếp nhận ứng dụng kết quả nghiên cứu còn ít, trong khi số tổ chức nông dân chủ động đề xuất, đặt hàng nhu cầu hoặc mạnh dạn ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu KH&CN, ĐMST còn rất khiêm tốn; dịch vụ tư vấn ứng dụng, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm, sản giao dịch công nghệ còn hạn chế về nguồn lực nên chưa thể đáp ứng tốt yêu cầu của các tổ chức, cá nhân. Các nhiệm vụ KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp như các nghiên cứu phục tráng, cải tạo, chọn lọc bộ giống, nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật ương nuôi thủy sản thường đòi hỏi đầu tư nhiều thời gian và kinh phí để hoàn thiện nên khó thu hút doanh nghiệp và người dân tham gia. Việc ứng dụng thành tựu KH&CN còn hạn chế về vốn đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực chuyển giao, ứng dụng công nghệ vào thực tiễn sản xuất còn nhiều bất cập, công nghệ sản xuất trong nước chưa nhiều, chưa đa dạng.

Vì vậy, trong thời gian tới, căn cứ vào tình hình thực tiễn địa phương, bối cảnh trong nước, quốc tế và trên cơ sở quán triệt chủ trương, chính sách phát triển KH&CN, ĐMST của Đảng, của Nhà nước ta, An Giang cần tập trung thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau để hoạt động KH&CN, ĐMST đi vào chiều sâu, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nâng cao năng

suất, lượng sản phẩm hàng hóa cho tỉnh, như:

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư nghiên cứu nâng cao năng suất, chất lượng cho các sản phẩm chủ lực địa phương như các giống lúa phục vụ đề án thương hiệu gạo tỉnh An Giang, chọn tạo các giống rau hoa phù hợp điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng của vùng; sưu tập và bảo tồn nguồn gen dược liệu và rau, hoa đặc trưng của tỉnh An Giang. Xây dựng trang trại trên cơ sở xây dựng mô hình đa dụng vừa trồng trọt kết hợp sơ chế nguyên liệu cung cấp cho khách du lịch và các doanh nghiệp dẫn dắt để chế biến sản xuất hàng hóa có giá trị gia tăng cao phục vụ du khách và tạo việc làm cho du khách trong thời gian nghỉ ngơi tại An Giang. Trong đó, tập trung triển khai thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội tỉnh An Giang theo hướng là một trong những trung tâm về nông nghiệp, giáo dục, y tế, văn hóa lịch sử của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (chủ yếu tập trung phát triển dược liệu phục vụ du lịch nghỉ dưỡng).

- Đẩy mạnh phát triển các nghiên cứu mang tính liên ngành giữa khoa học tự nhiên với khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn nhằm tạo cơ sở dữ liệu để góp phần giải quyết những vấn đề trọng yếu trước mắt và lâu dài về an ninh lương thực, sức khỏe của người dân, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý năng lượng và nguồn tài nguyên thiên nhiên; đặc biệt là công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng...). Chú trọng nghiên cứu theo hướng ưu tiên trong lĩnh vực: khoa học và công nghệ nông nghiệp, khoa học và công nghệ y dược, khoa học công nghệ năng lượng, khoa học và công nghệ quản lý và sử dụng tài nguyên và khoa học và công nghệ xây dựng, giao thông...

- Tăng cường phối hợp, hình thành và phát triển cơ chế thương mại hoá sản phẩm KH&CN; tăng cường hợp tác chuyên gia ứng dụng, cung cấp các dịch vụ KH&CN; tiếp tục đầu tư thực hiện các dự án KH&CN trọng điểm; khai thác triệt để thành tựu các ngành KH&CN mũi nhọn như công nghệ sinh học, công nghệ nano, trí tuệ nhân tạo, công nghệ vật liệu mới,... Đổi mới cơ chế đặt hàng, tuyển chọn hay chỉ định thực hiện nhiệm vụ KH&CN ưu tiên cho nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Tập trung các chương trình KH&CN, ĐMST trọng điểm nâng cao giá trị nông sản địa phương, tăng hàm lượng công nghệ, công nghệ cao trong nông nghiệp. Thúc đẩy các hoạt động xây dựng hình ảnh sản phẩm An Giang có chất lượng, có giá trị nhận diện, chú trọng vào hỗ trợ sản xuất theo các tiêu chuẩn chất lượng quốc gia, quốc tế và kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm. Triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số, số hóa các dữ liệu, phát triển các nền tảng số, thúc đẩy sản thương mại điện tử, đa dạng hoá các sản phẩm chế biến và sản

phẩm giá trị gia tăng từ nông sản, thực hiện “hồ sơ nông sản sạch An Giang”, tăng cường bảo hộ sản phẩm An Giang trước sức ép hàng ngoại nhập.

- Bên cạnh đó, kiến nghị Chính phủ ban hành văn bản quy định cụ thể hơn về truy

xuất nguồn gốc, quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm nhằm đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động truy xuất nguồn gốc để phục vụ hội nhập thị trường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá. Đồng thời, kiến nghị Chính phủ sớm ban hành cơ chế hỗ trợ hình thành và phát triển các dịch vụ khoa học công nghệ, thị trường KH&CN để thương mại hoá các giải pháp KH&CN, các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hệ thống hậu cần sản xuất phục vụ hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụ thể hoá các sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật của nông dân và doanh nghiệp, cung cấp các dịch vụ công trong tư vấn đầu tư kỹ thuật, công nghệ thực hiện các dự án KH&CN.

Có thể nói rằng, thực tiễn đã cho thấy KH&CN và ĐMST đang từng bước khẳng định vai trò động lực trong phát triển KT-XH ở tỉnh An Giang, đó chính là giải pháp then chốt tạo đột phá về năng suất, chất lượng hàng hóa và năng suất, hiệu quả lao động trong các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh, cũng như góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại địa phương. Đồng thời, KH&CN và ĐMST tất yếu cũng chính là chiếc chìa khoá vàng mở ra cánh cửa bước vào nền kinh tế tri thức của nhân loại trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0./.



VAI TRÒ CỦA LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH AN GIANG TRONG THÚC ĐẨY CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP GẮN VỚI DOANH NGHIỆP TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ

Liên minh Hợp tác xã tỉnh An Giang

Thực hiện Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 29/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác gắn với tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 của Tỉnh ủy An Giang. Phát triển nông nghiệp đi đôi với phát triển công nghiệp chế biến, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, các quy trình sản xuất tiên tiến, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch. Tổ chức lại một cách thực chất sản xuất nông nghiệp, khuyến khích phát triển liên kết theo chuỗi giá trị, từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; giảm chi phí trung gian để nâng cao thu nhập cho nông dân; nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nông sản.

Đến cuối tháng 12/2022, toàn tỉnh có 278 hợp tác xã (HTX), trong đó nông nghiệp có 211 HTX (chiếm 75,9%); phi nông nghiệp có 67 HTX (chiếm 24,1%) và 02 liên hiệp HTX nông nghiệp.

Với vai trò liên kết các HTX trong phát triển chuỗi giá trị sản xuất, trong thời gian qua Liên minh Hợp tác xã tỉnh An Giang đã thực hiện đạt được những kết quả sau:

- Làm cầu nối để HTX tiếp cận doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh như: Tập đoàn Lộc Trời, Tập đoàn Tân Long, Công ty Antesco, Công ty Quốc tế Gia, Công ty Phân bón hữu cơ Con Voi Bình Dương, Công ty Angrimex,... nhằm tạo điều kiện cho HTX gắn kết với doanh nghiệp xây dựng chuỗi liên kết, bao tiêu sản phẩm. Ngoài ra, còn chủ động tư vấn, hỗ trợ

các HTX yếu kém, tư vấn phương án sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, công tác kế toán, kiểm toán.

- Về công tác nâng cao năng lực quản trị của HTX: Từ năm 2020 đến nay, Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã tổ chức được 44 lớp tập huấn với trên 1.200 lượt học viên tham dự. Đối tượng là cán bộ quản lý, điều hành HTX, công chức, viên chức quản lý HTX ở cấp huyện, xã.

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã tranh thủ phối hợp hoạt động với tổ chức DGRV (Liên đoàn Hợp tác xã Raiffeisen Cộng hòa Liên bang Đức) để hỗ trợ HTX qua các chương trình, dự án, tổ chức được trên 90 lớp tập huấn, với hơn 2.000 lượt cán bộ HTX. Liên minh Hợp tác xã tỉnh tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, nâng cao năng lực hoạt động cho HTX và cán bộ quản trị HTX.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh tổ chức các đợt xúc tiến thương mại được trên 20 đợt/năm với sự tham gia của các doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất. Nhìn chung, các HTX đăng ký tham gia các đợt xúc tiến thương mại và Hội chợ hàng năm do Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tổ chức. Hướng dẫn, hỗ trợ các HTX nông nghiệp xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, giúp các HTX nông nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh, tham gia thị trường lớn.

- Giúp các HTX trưng bày, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, công nghệ và dịch vụ; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, kết nối cung cầu; tìm kiếm cơ hội



Tập đoàn Lộc Trời tổ chức Ngày hội liên kết sản xuất tại các HTX ở tỉnh An Giang



Liên minh HTX tỉnh và Cty CPDVNN Quốc Tế Gia triển khai chính sách liên kết, tiêu thụ nông sản

hợp tác, đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước; trao đổi, học tập, chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh, phát triển mô hình kinh HTX. Hằng năm, Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã hỗ trợ hơn 20 lượt HTX, doanh nghiệp với trên 30 sản phẩm tham gia Hội chợ, xúc tiến thương mại HTX do Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tổ chức tại các vùng miền. Thành công lớn nhất của các HTX tham gia Hội chợ là đã mở được liên kết giao thương với một số HTX, doanh nghiệp ngoài tỉnh, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm của HTX.

Trong thời gian qua có trên 70 HTX tham gia tiêu biểu trong chuỗi giá trị kế hoạch phát triển tại địa phương với các sản phẩm chủ lực như: lúa, gạo, xoài... và các khâu được tham gia chủ yếu trong chuỗi giá trị là tiêu thụ sản phẩm, các mô hình hợp tác tiêu biểu.

- Đối với ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã tạo điều kiện kết nối với các công ty trong nước và tổ chức nước ngoài đưa các thiết bị công nghệ cao vào phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, nhằm giúp giảm chi phí sản xuất như: Công ty Matsuyama (Nhật Bản) với dàn sợi 3 trong 1, Công ty Kodiak (Malaysia) với hệ thống tưới nước nông nghiệp hiện đại, Công ty bơm TS với hệ thống bơm tiết kiệm điện,...

Đặc biệt, gần đây nhất các HTX nông nghiệp mới được thành lập theo chương trình thỏa thuận hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và Công ty cổ phần Tập đoàn Lộc

thê khẳng định, liên kết theo chuỗi giá trị góp phần tăng quy mô sản xuất hàng hóa, đồng Trời cũng đã liên kết thực hiện vụ Đông Xuân 2022 - 2022 với diện tích hơn 50.000 ha. Có thời có vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp, giúp nâng cao lợi ích của các thành phần tham gia chuỗi giá trị, đặc biệt đối với nông dân, áp dụng các quy trình sản xuất hiện đại và nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất theo hợp đồng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện liên kết chuỗi giá trị giữa HTX với doanh nghiệp vẫn còn những tồn tại, hạn chế như sau:

- Để xây dựng mối liên kết chuỗi giá trị giữa HTX với doanh nghiệp thành công, cần có nhiều yếu tố: Nhân lực có trình độ, vốn và đất sản xuất, nhà cung cấp sản phẩm đầu vào và bao tiêu sản phẩm đầu ra. Thực tế, chất lượng hoạt động của một số HTX còn yếu, hiệu quả không cao, thiếu nhân lực chủ chốt, cán bộ quản lý chưa thực sự tâm huyết để tạo sự đột phá, chưa khai thác tối đa sức mạnh, vai trò của các thành viên nhằm phát huy sức mạnh tập thể, các thành viên HTX chưa thực sự thực hiện đúng, đủ vị trí của mình.

- Các HTX nông nghiệp làm thế nào tìm được tiếng nói chung giữa doanh nghiệp với HTX và người nông dân. Bởi vì, hiện nay hiệu quả trong liên kết và khả năng nhân rộng các mô hình còn hạn chế; tỷ lệ lúa gạo được tiêu thụ thông qua hợp đồng giữa HTX và doanh nghiệp còn thấp; hợp đồng tiêu thụ còn nhiều

điều khoản lỏng lẻo và tính khả thi; thậm chí có những hợp đồng không có giá trị pháp lý; ý thức tuân thủ hợp đồng của nông dân không cao, họ thường bán lúa cho người mua hoặc doanh nghiệp khác khi giá thị trường cao hơn giá hợp đồng đã ký hoặc xuất hiện các điều kiện khác hấp dẫn hơn.

- Bên cạnh đó, có doanh nghiệp cũng chưa tôn trọng lợi ích của HTX, nông dân, hợp đồng đưa ra các điều khoản không phù hợp với điều kiện sản xuất của nông dân; không thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết; cung ứng vật tư giá cao; đơn phương phá bỏ hợp đồng khi có biến động về giá; ép giá như đưa ra những yêu cầu quá cao về chất lượng nhằm giảm giá sản phẩm khi thu mua; trì hoãn việc thu mua khi chính vụ làm giảm chất lượng lúa gạo, thanh toán hợp đồng chậm; thiếu quan tâm đầu tư cho vùng nguyên liệu. Hiện tượng phá vỡ hợp đồng khá phổ biến; các tranh chấp hợp đồng chưa được giải quyết; chưa thật sự hài hòa trong chia sẻ lợi ích và rủi ro.

- Chưa hình thành được vùng sản xuất liên canh có diện tích lớn từ 500 ha trở lên; chưa thực sự đáp ứng các tiêu chí cánh đồng lớn.

- Hiện các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu lúa gạo ở tỉnh An Giang chưa nhiều, số lượng doanh nghiệp nông nghiệp chưa đủ phủ kín, việc đầu tư vào lĩnh vực này còn hạn chế; hơn nữa doanh nghiệp có đủ tiềm lực, thế mạnh về con người, tài chính để đầu tư thực hiện cả chuỗi liên kết cũng chưa có.

- Đối với những HTX có cán bộ của doanh nghiệp cử sang để tham gia vào bộ máy quản lý, điều hành chỉ quan tâm chú trọng thực hiện theo nhiệm vụ của doanh nghiệp đã giao, nên không thể mở rộng liên kết với các đối tác khác.

- Năng lực quản lý, điều hành, khả năng đàm phán của HTX nông nghiệp còn yếu, nhất

là quản lý về tài chính, kế toán; vai trò cán bộ quản lý, điều hành HTX chủ yếu xuất thân từ nông dân nên rất mờ nhạt.

- Phần lớn các HTX nông nghiệp chỉ kinh doanh dịch vụ bơm tưới, tiêu; có diện tích, quy mô nhỏ nên chưa mạnh dạn tham gia, thiếu vốn trong mở rộng kinh doanh dịch vụ mới.

Nhằm tiếp tục phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những tồn tại hạn chế trong quá trình triển khai liên kết chuỗi giá trị trong thời gian qua, Liên minh Hợp tác xã tỉnh An Giang đề xuất một số giải pháp, cụ thể như sau:

1. Tổ chức lại sản xuất theo nguyên một chuỗi giá trị; nhân rộng các mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới với sự tham gia, đồng hành của doanh nghiệp tại các địa phương có nền tảng tốt về liên kết và tiêu thụ sản phẩm.

2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác củng cố nâng chất các HTX nông nghiệp hiện có thông qua việc nâng cao hiệu quả hoạt động, phương án sản xuất kinh doanh với phát triển nhiều loại hình dịch vụ khác nhau, kết nạp thêm thành viên và tham gia sử dụng dịch vụ HTX nông nghiệp nhiều hơn; xây dựng và hỗ trợ những HTX này trở thành trung tâm liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp để thực hiện liên kết chuỗi giá trị sản xuất từ đầu vào đến đầu ra, gắn với ứng dụng công nghệ cao. Đây là hướng đi cốt lõi, đảm bảo cho liên kết sản xuất bền vững, nông dân sản xuất theo đặt hàng của doanh nghiệp, doanh nghiệp có vùng nguyên liệu, dần kiểm soát được chi phí sản xuất.

3. Nâng cao năng lực đội ngũ quản lý HTX nông nghiệp các kiến thức cần thiết về quản trị. Bên cạnh đó, quan tâm bồi dưỡng cán bộ Nhà nước, đoàn thể các cấp về phát triển kinh tế tập thể, HTX, về Luật Hợp tác xã, về các văn bản hướng dẫn Luật, về liên kết sản xuất và tiêu thụ; từng bước hình thành lực lượng tư vấn

về lĩnh vực kinh tế hợp tác tại chỗ để kịp hỗ trợ khi có nhu cầu; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, HTX; tiếp tục xử lý các HTX nông nghiệp không hoạt động, hoạt động hình thức, kém hiệu quả; sáp nhập, hợp nhất các HTX có quy mô nhỏ.

4. Lồng ghép các chương trình, đề án, dự án khác nhau để triển khai thực hiện chủ trương về xây dựng vùng nguyên liệu gắn với chuỗi giá trị hàng hóa để tạo sức lan tỏa. Triển khai việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào hoạt động sản xuất, chế biến của HTX; thực hiện các nội dung, chính sách ưu tiên hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới đối với HTX.

5. Để xây dựng thành công liên kết chuỗi, đòi hỏi doanh nghiệp, thành viên HTX và nông dân phải thực hiện đầy đủ và đúng những cam kết của mình. Về phía nông dân phải triệt để áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất đảm bảo sản lượng và chất lượng sản phẩm theo quy định hợp đồng; đồng thời không vì lợi ích trước mắt mà bán sản phẩm ra bên ngoài. Các công ty, doanh nghiệp phải đảm bảo thu mua hết sản lượng lúa hàng hóa mà nông dân làm ra theo giá thị trường tại thời điểm.

6. Các HTX nông nghiệp phải đổi mới tổ chức quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động, tham gia mạnh hơn nữa vào liên kết chuỗi giá trị để tăng sức cạnh tranh. Về phía Nhà nước cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho HTX thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ và năng lực cho cán bộ quản lý chủ chốt của HTX; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp liên kết với HTX.

7. Rà soát và hỗ trợ các doanh nghiệp có đủ tiềm lực để xây dựng và triển khai dự án phát triển vùng nguyên liệu ổn định và mô hình liên kết tiêu thụ, phát triển chuỗi giá trị lúa gạo bền

vững thông qua các gói hỗ trợ cụ thể đối với từng doanh nghiệp nhằm phát huy tối đa việc tiếp cận chính sách và hiệu quả theo tinh thần Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và Quyết định số 30/2019/QĐ- UBND ngày 22/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Các HTX nông nghiệp tham gia chuỗi liên kết được ưu tiên hỗ trợ tiếp cận vốn và chính sách ưu đãi về tín dụng từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX của Trung ương, của tỉnh.

8. Liên minh Hợp tác xã tỉnh sẽ tiếp tục chủ động tìm kiếm, mời gọi các doanh nghiệp uy tín, hoạt động sản xuất kinh doanh có quy mô lớn để tạo cầu nối cho HTX; đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh giao; chú trọng thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho HTX; đổi mới nội dung, hình thức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng bám sát thực tiễn, phù hợp với yêu cầu phát triển của thị trường, mỗi trường kinh doanh, đặc biệt là lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và công tác quản trị trong HTX. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho sản phẩm HTX; cung cấp thông tin thị trường; khuyến khích các HTX tích cực tham gia các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm, hội nghị, triển lãm, hội chợ, đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu sản phẩm thông qua các chương trình phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố và Liên minh Hợp tác xã các tỉnh bạn. Cùng với đó, tiếp tục vận động thành lập các HTX, Liên hiệp HTX, thí điểm thành lập Liên đoàn HTX lúa gạo quy mô khu vực đồng bằng sông Cửu Long có trụ sở đặt tại tỉnh An Giang./.

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG MÔ HÌNH THỬ NGHIỆM NHÂN GIỐNG VÀ NUÔI GÀ RỪNG (*GALUSS GALUSS*) TẠI VÙNG THẮT SƠN, TỈNH AN GIANG

Phòng Quản lý Khoa học

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Gà rừng là một chi gồm 4 loài: gà rừng lông đỏ (*Gallus gallus*), gà rừng Sri Lanka (*Gallus lafayetii*), gà rừng lông xám (*Gallus sonneratii*), gà rừng lông xanh (*Gallus varius*) thuộc họ Trĩ (*Phasianidae*). Ở Việt Nam có 3 phân loài gà rừng: phân loài gà rừng tai đỏ Đông Bắc (*Gallus gallus jabouillei*), phân loài gà rừng tai đỏ Tây Bắc (*Gallus gallus spadiceus*) và phân loài gà rừng tai trắng (*Gallus gallus gallus*). Gà rừng tai trắng là một trong ba loài gà rừng được người dân thuần hóa nuôi nhốt tại vùng Thất Sơn, tỉnh An Giang, tuy nhiên hiện nay chưa có công trình nghiên cứu nào về giống gà rừng này tại đây, đặc biệt là xác định hình thái, tập tính, sinh trưởng và sinh sản của gà rừng tai trắng.

Xuất phát từ những vấn đề trên, ngày 14/5/2018, UBND tỉnh An Giang đã phê duyệt thực hiện Đề tài KH&CN cấp tỉnh “**Nghiên cứu xây dựng mô hình thử nghiệm nhân giống và nuôi gà rừng (*Galuss Galuss*) tại vùng Thất Sơn, tỉnh An Giang**” do Trạm Khuyến nông huyện Tịnh Biên chủ trì, KS. Vũ Khắc Tùng chủ nhiệm. Mục tiêu nghiên cứu Đề tài nhằm bảo tồn nguồn gen và nhân giống gà rừng tỉnh An Giang. Mục tiêu cụ thể: xây dựng 01 quy trình thuần dưỡng, 01 quy trình nuôi dưỡng gà rừng thịt và 01 quy trình sinh sản; hỗ trợ 01 mô hình sản xuất giống và nuôi gà rừng cho vùng Thất Sơn, tỉnh An Giang; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển mô hình (03 lớp với 30 học viên/lớp); đề xuất định hướng và giải pháp phát triển đàn gà rừng vùng Thất Sơn, tỉnh An Giang theo một trong hai hướng:



Mô hình nuôi gà rừng quy mô nông hộ

gà kiểng hoặc gà thịt. Sau 05 năm thực hiện, Đề tài đạt được các kết quả sau:

Màu sắc của gà rừng tai trắng trông: có lông màu vàng cam, đỏ, đen ánh kim, nâu, đen, da thân có màu trắng, chân và mỏ có màu đen chì, mào lá và tai tích có màu đỏ đậm, yếm tai màu trắng. Trong khi đó, gà rừng tai trắng mái: có lông màu đen nâu hoặc nâu vàng, da thân có màu trắng, chân và mỏ có màu đen chì, mào lá và có màu đỏ nhạt, yếm tai màu trắng. Kết quả khuếch đại 10 chỉ thị microsatellite cho thấy có sự tương đồng di truyền gần nhất giữa gà rừng và gà tre với giá trị tương đồng là 90,9% và thể hiện tương đồng đối với gà Tàu Vàng là 66,7% và gà Nòi là 53,8%.

Trọng lượng gà rừng 01 ngày tuổi trung bình là 17,69 (g/con); 04 tuần tuổi là 108,42 (g/con), 12 tuần tuổi là 308,83 (g/con) và 22 tuần tuổi là 641,33 (g/con). Hệ số FCR giai đoạn 0 - 5 tuần tuổi là 3,07, giai đoạn 5 - 12 tuần tuổi là 6,57. Trọng lượng trứng của gà rừng trung bình là 27,28 (g/trứng) với lượng thức ăn tiêu thụ là 76,22 (g/con/ngày). Năng suất trứng của đàn gà bố mẹ là 13,33 trứng/lứa/năm và kết quả chọn lọc của thế hệ F1 cho thấy



Tập huấn cho hộ chăn nuôi gà và cán kỹ thuật

gà mang kiểu gen DD ở đa hình NPY/DraI cho năng suất trứng cao nhất với 16,1 trứng/lứa/năm.

Xây dựng được 01 quy trình thuần dưỡng với tỷ lệ sống gà con 20-30%, gà trưởng thành 10-20%; 01 quy trình nuôi dưỡng gà rừng thịt, trong đó đã xác định được khẩu phần ăn tối ưu với hệ số FCR giai đoạn 0-5 tuần tuổi là 3,07; 5-12 tuần tuổi là 6,57 và 01 quy trình sinh sản với tỷ lệ đẻ gà bố mẹ trung bình là 13,33 trứng/lứa/năm, gà F1 là 16,1 trứng/lứa/năm và trọng lượng trứng trung bình là 27,28gr/trứng.

Xây dựng 01 mô hình nuôi gà rừng quy mô nông hộ tại xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang với số lượng 50 con gà rừng, áp dụng 03 quy trình thuần dưỡng, nuôi gà thịt và sinh sản. Bên cạnh, nhân giống và giao nộp 200 con gà rừng F1 03 tháng tuổi (tỷ lệ trống:mái là 1:4) cho địa phương nhằm duy trì, bảo tồn và khai thác phát triển.

Tổ chức 03 lớp tập huấn cho hộ chăn nuôi gà và cán kỹ thuật với 30 học viên/lớp. Thời gian cho mỗi lớp là 02 ngày (gồm 1,5 ngày học lý thuyết và 0,5 ngày học thực hành). Các nội dung tập huấn là: quy trình thuần dưỡng, kỹ thuật nuôi và thuần dưỡng gà rừng thịt và gà



Hội thảo khoa học về kết quả của đề tài

rừng sinh sản, kỹ thuật xây dựng chuồng trại và ấp trứng gia cầm, cách phòng và trị một số bệnh trên gia cầm, đặc điểm hình thái gà rừng và phương pháp ấp trứng gia cầm.

Đề tài đã tổ chức 01 hội thảo vào cuối kỳ tại xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang với 60 đại biểu tham dự, 06 tham luận và 03 báo cáo tại hội thảo: (1) giới thiệu một số kết quả nghiên cứu về công nghệ chọn tạo giống gia cầm bằng sinh học phân tử, (2) kỹ thuật chăn nuôi gà thả vườn tại ĐBSCL, (3) giới thiệu một số kết quả nghiên cứu của đề tài.

Tóm lại, gà rừng là đối tượng quý, hình thái đẹp, có giá trị kinh tế, kết quả nghiên cứu cho thấy đây là đối tượng có thể thuần dưỡng, nhân giống và nuôi thương phẩm. Từ đó cho thấy đây là đối tượng tiềm năng vừa có thể phát triển theo hướng gà kiểng vừa có thể phát triển theo hướng gà thịt, tạo dòng sản phẩm đặc hữu cho địa phương. Bên cạnh cũng cần các nghiên cứu tiếp theo nhằm nâng cao hiệu suất sinh sản, giảm tỷ lệ mắc bệnh và khắc phục hiện tượng chết hàng loạt của đối tượng này trong thời gian tới./.



KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ “ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC BỔ SUNG HỖN HỢP BỘT NGHỆ, SẢ VÀ TỎI ĐẾN NĂNG SUẤT TĂNG TRƯỞNG VÀ CHẤT LƯỢNG CỦA GÀ NÒI NUÔI TẠI AN GIANG”

ThS. Lê Trần Như Thảo

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Trong chăn nuôi, chi phí thức ăn chiếm khoảng 70% giá thành sản xuất, việc sử dụng thức ăn hiệu quả và giảm chi được nhiều nhà chăn nuôi quan tâm. Bên cạnh đó, vấn đề tồn dư kháng sinh, kháng kháng sinh đang là mối đe dọa cho vật nuôi và con người. Sử dụng thảo dược thay thế kháng sinh là một hướng đi mới cho ngành chăn nuôi. So sánh với kháng sinh, thảo dược tuy hiệu quả bằng kháng sinh nhưng cũng đủ để chữa khỏi nhiều bệnh nhiễm khuẩn. Ngoài ra, thảo dược còn có những ưu điểm mà thuốc kháng sinh không có được, như việc kháng thuốc, đây là chuyện nan giải đối với kháng sinh hiện nay, nhưng đối với thảo dược người ta chưa tìm thấy hiện tượng này. Qua một số nghiên cứu cho thấy, sử dụng thảo dược trong chăn nuôi gà đem lại hiệu quả đáng kể cho người chăn nuôi.

Các loại thảo dược nghệ, tỏi, sả, gừng, quế, actiso, bạc hà, diệp hạ châu, đương quy, đinh lăng, gấc, hương nhu, hồi, húng chanh, lô hội,... thường được sử dụng ở dạng tươi, dạng bột hoặc các sản phẩm chiết tách có hoạt tính sinh học cao. Các nguyên liệu này có tác dụng kháng khuẩn và hỗ trợ đề kháng cho vật nuôi. Khi sức khỏe được tăng cường thì khả năng tiêu hóa và hấp thu của chúng cũng được cải thiện, từ đó nâng cao năng suất chăn nuôi. Từ lâu, nghệ, sả và tỏi không chỉ là gia vị trong ẩm thực mà còn được xem là những nguyên liệu thảo dược, đây có thể là lựa chọn tốt để



Mô hình chăn nuôi gà nòi bổ sung bột nghệ, sả và tỏi thay thế cho kháng sinh trong chăn nuôi. Các nguyên liệu này có thể được dùng riêng lẻ hay ở dạng hỗn hợp, tuy nhiên, có rất ít công bố về tác dụng khi phối hợp chúng với nhau.

Xuất phát từ thực tế trên, Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở “Ảnh hưởng của việc bổ sung hỗn hợp bột nghệ, sả và tỏi đến năng suất tăng trưởng và chất lượng của gà nòi nuôi tại tỉnh An Giang”, do TS. Nguyễn Tuyết Giang chủ nhiệm, Trường Đại học An Giang là tổ chức chủ trì. Mục tiêu nghiên cứu nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của hỗn hợp bột thảo dược từ nghệ, sả và tỏi với các mức bổ sung khác nhau đến khả năng tăng trưởng, khối lượng xuất chuồng, năng suất và chất lượng thịt của gà Nòi, đồng thời đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình tại tỉnh An Giang.

Với tổng số 240 con gà Nòi 28 ngày tuổi được bố trí theo phương thức hoàn toàn ngẫu nhiên theo 05 nghiệm thức và 03 lần lặp lại.



Gà Nòi 28 ngày tuổi



Gà Nòi 98 ngày tuổi

Các nghiệm thức bao gồm T0, T25, T50, T75 và T100 tương ứng với 05 mức bổ sung hỗn hợp thảo dược từ 0%, 0,25%, 0,5%, 0,75% và 1,0% vào khẩu phần Hỗn hợp thảo dược được phối trộn từ bột nghệ, bột sả và bột tỏi với tỷ lệ tương đương 1:1:1.

Kết quả nghiên cứu cho thấy gà được bổ sung bột thảo dược có khối lượng và mức tăng trưởng cao hơn so với gà ở lô đối chứng, đặc biệt ở thời điểm 56 ngày tuổi. Thảo dược không ảnh hưởng đến lượng thức ăn tiêu thụ nhưng đã cải thiện hệ số chuyển hóa thức ăn (FCR). Tính chung cả giai đoạn, FCR thấp nhất ở nghiệm thức T100 (3,18) và cao nhất ở nghiệm thức T25 (3,59). Các chỉ tiêu như khối lượng sống, khối lượng thân thịt và một số thành phần của thân thịt khác biệt không ý nghĩa, tuy nhiên khối lượng lách và túi Fabricius cao hơn đáng kể ở các nghiệm thức bổ sung thảo dược, đặc biệt là T75 và T100. Việc bổ sung hỗn hợp thảo dược cũng làm tăng màu đỏ và màu vàng của thịt ức, giảm tỷ lệ mất nước và tăng hàm lượng đạm thô trong thịt. Phân tích hiệu quả kinh tế cho thấy nghiệm thức T100 có hiệu quả kinh tế cao hơn so với các nghiệm thức khác. Hỗn hợp thảo dược được bổ sung ở mức 1,0% trong khẩu phần có tác dụng cải thiện năng suất tổng thể của đàn gà.

Do vậy, gà được bổ sung hỗn hợp bột thảo dược (nghệ, sả và tỏi) có khối lượng và mức tăng trưởng bình quân cao hơn so với gà ở lô đối chứng. Thảo dược không ảnh hưởng đến lượng thức ăn tiêu thụ nhưng đã cải thiện hệ số chuyển hóa thức ăn. Thảo dược đã cải thiện giá trị của quày thịt thông qua các chỉ tiêu như màu sắc của thịt và mỡ, tỷ lệ mất nước sau chế biến và hàm lượng đạm thô trong thịt. Kiểm định giả thuyết cho thấy nghiệm thức bổ sung hỗn hợp thảo dược ở tỷ lệ 1% (10 g/kg thức ăn) có thể cải thiện 9% khối lượng xuất chuồng và giảm 10% FCR so với nghiệm thức đối chứng. Khối lượng thân thịt tăng 16-36% ở những nghiệm thức có bổ sung thảo dược. Dựa trên các kết quả thu được, có thể thấy việc bổ sung nghệ, sả và tỏi đã tác động tích cực đến năng suất tăng trưởng và chất lượng thịt của gà. Đặc biệt, nghiệm thức bổ sung 1% thảo dược có hệ số chuyển hóa thức ăn thấp nhất và hiệu quả kinh tế cao nhất. Đây có thể là lựa chọn thay thế cho các chất phụ gia hóa học trong thức ăn, đáp ứng nhu cầu về năng suất của người chăn nuôi hay nhu cầu về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm của người tiêu dùng./.

PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, SỬ DỤNG VẬT LIỆU XÂY KHÔNG NUNG VÀ LỘ TRÌNH XÓA BỎ Lò THỦ CÔNG SẢN XUẤT GẠCH ĐẤT SÉT NUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2030

ThS. Nguyễn Dương Quỳnh

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Trong những năm qua, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo phát triển vật liệu xây không nung (VLXKN) để từng bước thay thế gạch đất sét nung, hạn chế sử dụng đất sét và than - nguồn tài nguyên không tái tạo, góp phần bảo vệ an ninh lương thực, tiết kiệm năng lượng và giảm lượng khí thải CO₂. Ngoài ra, việc sử dụng phế thải của các ngành công nghiệp như tro, xỉ, mặt đá... để sản xuất VLXKN cũng góp phần giảm một lượng đáng kể các chất thải rắn ra môi trường.

Căn cứ Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 16/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung và căn cứ Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh An Giang, thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050. UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch phát triển sản xuất, sử dụng vật liệu xây không nung và lộ trình xóa bỏ lò gạch thủ công đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang. Với mục tiêu chung là:

- Phát triển sản xuất và sử dụng VLXKN để thay thế gạch đất sét nung nhằm tiết kiệm đất nông nghiệp, góp phần giảm thiểu phát thải khí nhà kính và ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nhiên liệu, giảm chi phí xử lý phế thải của các ngành công nghiệp, mang lại hiệu quả kinh tế cho địa phương và toàn xã hội.

- Khuyến khích việc đầu tư sản xuất phát triển và sử dụng VLXKN trong các công trình xây dựng.

Trong đó, mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng lộ trình sử dụng VLXKN trong các công trình xây dựng đối với nguồn vốn

ngân sách và nguồn vốn ngoài ngân sách. Phát triển đầu tư sản xuất và sử dụng VLXKN thay thế gạch đất sét nung đạt tỷ lệ 35-40% vào năm 2025; 40-45% vào năm 2030.

- Đa dạng hóa các sản phẩm gạch không nung kích thước lớn, cấu kiện, tấm tường, vật liệu nhẹ ... nhằm giảm thời gian thi công, hạ giá thành xây dựng.

- Di dời các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, thủ công cải tiến, lò đứng liên tục và lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch (than, dầu, khí) vào các cụm công nghiệp sản xuất tập trung đảm bảo các điều kiện về môi trường nhằm phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân.

- Đến năm 2025 hoàn thành việc xóa bỏ 04 lò sản xuất gạch nung theo công nghệ thủ công, lò thủ công cải tiến.

- Tiến tới chấm dứt hoàn toàn hoạt động của các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, thủ công cải tiến, lò đứng liên tục và lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch (than, dầu, khí) trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

Trên địa bàn tỉnh An Giang, tình hình sản xuất và sử dụng vật liệu xây dựng hiện nay đang tồn tại 04 loại hình công nghệ nung gạch khác nhau là lò tuynel, lò vòng Hoffman cải tiến, lò đứng thủ công và lò thủ công cải tiến với 219 cơ sở sản xuất, tổng công suất là 1.987,5 triệu viên QTC/năm (QTC: quy tiêu chuẩn 220x105x60mm), cụ thể như sau:

Sản xuất gạch nung theo công nghệ lò tuynel: có 03 cơ sở đang hoạt động với tổng công suất là 240 triệu viên/năm, đó là: Nhà máy gạch ngói tuynel Long Xuyên; Nhà máy gạch ngói tuynel Long Xuyên 2; Nhà máy gạch ngói tuynel An Giang.



Nhà máy gạch ngói tunnel Long Xuyên



Nhà máy gạch ngói tunnel Long Xuyên 2

Sản xuất gạch nung theo công nghệ lò Hoffman: trên địa bàn tỉnh hiện có 198 cơ sở; tập trung nhiều nhất ở huyện Chợ Mới có 160 cơ sở; huyện Châu Thành 18 cơ sở, huyện Châu Phú 16 cơ sở và huyện Phú Tân 04 cơ sở.

Sản xuất gạch nung bằng lò thủ công cải tiến, lò thủ công: trên địa bàn tỉnh còn có 04 cơ sở sản xuất gạch đất sét nung lò thủ công và thủ công cải tiến; mỗi cơ sở có từ 2 đến 10 lò nằm rải rác huyện Châu Thành (có 02 cơ sở), huyện Châu Phú (có 01 cơ sở); huyện Phú Tân (có 01 cơ sở).

Sản xuất gạch không nung: có 14 cơ sở sản xuất gạch không nung xi măng cốt liệu với quy mô nhỏ, vừa và lớn, tổng công suất thiết kế là 286,134 triệu viên QTC/năm và tổng công suất sản xuất là 127,834 triệu viên QTC/năm.



Các loại gạch không nung phổ biến hiện nay

Lộ trình di dời, xóa bỏ lò thủ công cải tiến, lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch (than, dầu, khí), lò đứng liên tục, lò thủ công đến năm 2030

Đối với các cơ sở xuất gạch nung theo công nghệ lò tunnel:

- Không đầu tư xây dựng mới, không đầu tư mở rộng các dây chuyền sản xuất gạch đất sét

nung trên địa bàn tỉnh. Không gia hạn thời gian hoạt động sản xuất đối với các cơ sở sản xuất đã hết thời hạn đầu tư được chấp thuận.

- Sau năm 2030, di dời các cơ sở sản xuất đến nơi có vị trí phù hợp hơn, để đáp ứng nhu cầu đầu tư sản xuất và đảm bảo các quy định về môi trường theo quy định.

Đối với các cơ sở xuất gạch nung theo công nghệ lò Hoffman

- Không đầu tư xây dựng mới, không đầu tư mở rộng các dây chuyền sản xuất gạch đất sét nung trên địa bàn tỉnh. Sau năm 2025, các cơ sở sản xuất gạch nung theo công nghệ này hoạt động xen kẽ trong khu dân cư sẽ phải di dời đến các cụm công nghiệp sản xuất gạch ngói đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Sau năm 2030, chấm dứt hoạt động của các cơ sở sản xuất gạch nung theo công nghệ này (lò Hoffman).

Đối với các cơ sở xuất gạch nung theo công nghệ lò thủ công, lò thủ công cải tiến: (Công nghệ lò nung thủ công) đây là công nghệ lạc hậu, thô sơ; nên mặc dù sử dụng nhiên liệu là trấu nhưng lượng phát thải khói bụi, nhiệt lượng ảnh hưởng đáng kể đến môi trường xung quanh. Do đó, cần phải xóa bỏ hoặc chuyển đổi công nghệ mới phù hợp với các quy định có liên quan về môi trường. Thực hiện xóa bỏ 04 lò sản xuất gạch nung theo công nghệ lò thủ công, lò thủ công cải tiến trước năm 2025.

Dự kiến Kế hoạch phát triển sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung đến năm 2030

Về phát triển sản xuất vật liệu xây không nung:

- Phát triển đầu tư sản xuất và sử dụng VLXKN thay thế gạch đất sét nung đạt tỷ lệ 35-40% vào năm 2025; 40-45% vào năm 2030.

- Khuyến khích đầu tư sản xuất các chủng loại VLXKN có kích thước lớn,

các sản phẩm sử dụng nguyên liệu là chất thải công nghiệp, xây dựng (tro, xỉ than; xỉ luyện kim; phế thải phá dỡ công trình...); các sản phẩm nhẹ; siêu nhẹ dùng để làm tường, vách ngăn, vật liệu chống cháy, chặm cháy, vật liệu cách âm, cách nhiệt, cách điện, tiết kiệm năng lượng, vật liệu mới, vật liệu xanh...; các sản phẩm đáp ứng các yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành xây dựng. Đồng thời, giảm thời gian thi công, hạ giá thành xây dựng.

- Sử dụng tối đa các loại chất thải của các ngành công nghiệp (tro, xỉ than; xỉ luyện kim...) làm nguyên liệu để sản xuất VLXKN, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản.

- Sử dụng công nghệ tiên tiến, dây chuyền thiết bị tiên tiến, hiện đại cơ giới hóa, tự động hóa. Phần đầu hơn 50% nhà máy ứng dụng robot vào trong dây chuyền sản xuất.

- Các cơ sở sản xuất có hệ thống xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường; phải có thiết bị giám sát khí thải, nồng độ bụi tại nguồn thải và kết nối trực tuyến các thiết bị này với cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

Kế hoạch sử dụng vật liệu xây không nung đến năm 2030

Đối với các công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước phải 100% VLXKN.

Đối với các công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách phải sử dụng VLXKN trong tổng số vật liệu xây với tỷ lệ như sau: các đô thị từ loại III trở lên phải sử dụng tối thiểu 70%; tại các khu vực còn lại phải sử dụng tối thiểu 50%; Các công trình xây dựng từ 09 tầng trở lên phải sử dụng 100% VLXKN.

Các công trình có yêu cầu đặc thù không sử dụng vật liệu xây không nung thì phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận. Khuyến khích sử dụng VLXKN vào các công trình xây dựng nhà ở của người dân.

Một số giải pháp thực hiện:

Về cơ chế chính sách: Xây dựng cơ chế chính sách, sửa đổi, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật theo hướng khuyến khích đầu tư mới, đầu tư nâng cấp, chuyển đổi công nghệ sản xuất VLXD theo hướng gia tăng năng suất, chất lượng; sử dụng tiết kiệm năng lượng... Có chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu phát triển, ứng dụng KH&CN, đầu tư sản xuất VLXD tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường. Có chính sách ưu đãi chuyển đổi nghề, chuyển đổi công nghệ và đầu tư mới cơ sở sản xuất VLXKN phù hợp để các cơ sở tiếp cận và thực hiện theo quy định.

Đẩy mạnh công tác điều tra, khai thác tài nguyên khoáng sản đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm: Tiếp tục đẩy mạnh việc phối hợp thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản (đất nông nghiệp để làm nguyên liệu sản xuất gạch nung); ngăn chặn, xử lý kịp thời các hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản trái phép và kiên quyết xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm (như tịch thu, phá hủy phương tiện,

truy cứu trách nhiệm hình sự...) theo quy định của pháp luật.

Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ: Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, công nghệ mới, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, sử dụng phế thải làm nguyên liệu, nhiên liệu thay thế, giảm tiêu hao năng lượng, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng. Đẩy mạnh nghiên cứu trong lĩnh vực chế tạo cơ khí, sản xuất thiết bị, phụ tùng thay thế; tăng cường

ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất VLXD.

Đối với các cơ sở sản xuất: Tổ chức thực hiện theo nội dung Kế hoạch này; thực hiện chuyển đổi hoặc xóa bỏ lò sản xuất gạch đất sét nung theo đúng lộ trình đã được quy định. Đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại, áp dụng công nghệ thông tin, mức độ điều khiển tự động hóa cao vào sản xuất; áp dụng các biện pháp kỹ thuật để giảm tiêu hao nhiên liệu trong sản xuất, thân thiện với môi trường./.

Tiếp theo trang 19:

- Lấy doanh nghiệp làm trung tâm để định hướng triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh nhà.

Với các định hướng nêu trên, ngành khoa học và công nghệ An Giang sẽ tập trung triển khai các nhóm giải pháp như sau:

⁽¹⁾Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư và các công nghệ tiên tiến trong nông nghiệp để tạo ra và đưa vào sản xuất các giống mới cho mỗi loại cây trồng nông lâm nghiệp, vật nuôi và thủy sản chủ yếu, có năng suất cao, chất lượng tốt, khả năng chống chịu vượt trội; quy trình công nghệ tiên tiến trong từng lĩnh vực; các loại chế phẩm sinh học, máy móc, thiết bị mới phục vụ sản xuất nông nghiệp;...

⁽²⁾Xúc tiến, thúc đẩy hoạt động ươm tạo và phát triển doanh nghiệp KH&CN; hỗ trợ doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển, trong đó, ưu tiên hỗ trợ nâng

cao năng lực và tăng cường tiềm lực cho các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm có giá trị gia tăng cao từ các nông sản chủ lực, thế mạnh; Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm đặc thù có triển vọng phục vụ khách du lịch và xuất khẩu cao;

⁽³⁾Tập trung đầu tư phát triển và nâng cao năng lực nghiên cứu cho tổ chức KH&CN quan trọng của tỉnh như: Trung tâm Công nghệ sinh học, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Giống thủy sản, Trường Cao Đẳng nghề và Trường Đại học An Giang..., theo hướng phục vụ nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử nghiệm, đào tạo nguồn nhân lực và thực hiện dịch vụ khoa học và công nghệ;... nhằm đẩy mạnh việc hỗ trợ các đơn vị nhận chuyển giao, ứng dụng KH&CN, đặc biệt là công nghệ tiên tiến, hiện đại phục vụ thiết thực đối với thực tiễn địa phương An Giang./.



TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH KH&CN PHỤC VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

ThS. Phạm Danh Tường

Trung tâm Công nghệ Sinh học tỉnh An Giang

1. Kết quả thực hiện:

Trong thời gian qua, công tác triển khai Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang đạt được một số kết quả chủ yếu như sau:

Thứ nhất, căn cứ Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới tỉnh An Giang đến năm 2025 (Chương trình) tại Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 (Quyết định). Quyết định gồm có 03 điều, có hiệu lực kể từ ngày ký với các nội dung chính như sau:

a) *Mục tiêu*: Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2025 thông qua việc tập hợp nguồn lực KH&CN nhằm góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường nông thôn; nâng cao chất lượng đời sống của người dân; thúc đẩy liên kết giữa các địa phương trong tỉnh.

b) *Nội dung*: ⁽¹⁾Nghiên cứu hoàn thiện và đổi mới cơ chế, chính sách, giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; ⁽²⁾Nghiên cứu các giải pháp phát triển kinh

tế nông thôn, xây dựng nông thôn bền vững; ⁽³⁾Xây dựng mô hình nông thôn mới trên cơ sở ứng dụng các giải pháp KH&CN để phát triển kinh tế, xã hội; ⁽⁴⁾Thực hiện các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức xã hội và quảng bá thành tựu KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới.

c) *Mức chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, mô hình thuộc Chương trình*: ⁽¹⁾Mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước thực hiện theo quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 và Quyết định số 923/QĐ-TTg của TTCP; ⁽²⁾Mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh tối đa đến 100% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ; ⁽³⁾Mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở tối đa đến 50% tổng kinh phí thực hiện nhưng không quá 60 triệu đồng/nhiệm vụ; ⁽⁴⁾Mức hỗ trợ thực hiện mô hình sản xuất phục vụ xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính.

d) *Trình tự, thủ tục hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ KH&CN, mô hình sản xuất phục vụ xây dựng nông thôn mới thuộc Chương trình áp dụng theo quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg và Quyết định số 923/QĐ-TTg của TTCP, Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 17/02/2016, Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 và Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của*

UBND tỉnh và các quy định của pháp luật hiện hành.

Thứ hai, trên cơ sở tổ chức thực hiện Quyết định số 923/QĐ-TTg và Quyết định số 3029/QĐ-UBND, Sở Khoa học và Công nghệ đã phát hành thông báo đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN các cấp. Kết quả đã nhận được 03 đề xuất, đặt hàng bao gồm 01 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia (Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh gửi Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương tổng hợp theo Công văn số 71/UBND-KTN ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh); 01 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (dự kiến sẽ tổ chức xét duyệt trong quý 2/2023).

Ngoài ra, trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định số 3029/QĐ-UBND còn gặp một số khó khăn, vướng mắc về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các mô hình sản xuất phục vụ xây dựng nông thôn mới, Sở Khoa học và Công nghệ đang phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung Quyết định.

2. Phương hướng hoạt động đến năm 2025:

Một là, dự kiến trong năm 2023, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tiếp tục tuyên truyền, phổ biến Quyết định số 923/QĐ-TTg, Quyết định số 3029/QĐ-UBND và các văn bản có liên quan thông qua hội nghị, hội thảo và các kênh truyền thông đại chúng, mạng xã hội nhằm giới thiệu chính sách đến đông đảo tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài tỉnh. Đồng thời, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức

hỗ trợ thực hiện 10 - 15 nhiệm vụ KH&CN các cấp có tính cấp thiết, khả thi cao, tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp phục vụ trực tiếp xây dựng nông thôn mới tại địa phương với kinh phí hỗ trợ khoảng 1,325 tỷ đồng.

Hai là, từ nay đến năm 2025, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan: ⁽¹⁾Tiếp tục nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; ⁽²⁾Đề xuất, thực hiện ít nhất 05 nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước; ít nhất 20 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở nhằm triển khai các giải pháp khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nền nông nghiệp có trách nhiệm theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ cao và thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống giảm nhẹ thiên tai; giải pháp tổng hợp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường và cảnh quan nông thôn; giải pháp quản trị và kết nối các cộng đồng cư dân gắn với cải thiện dịch vụ công và cải cách hành chính ở nông thôn; ⁽³⁾Xây dựng và nhân rộng ít nhất 500 mô hình, dự án sản xuất phục vụ xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, cấp huyện để phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù, phát huy được thế mạnh của từng địa phương trên cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ, thúc đẩy liên kết sản xuất và phát triển thị trường theo chuỗi giá trị nhóm sản phẩm chủ lực của quốc gia và của tỉnh, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc thù địa phương./.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KH&CN CẤP HUYỆN TỈNH AN GIANG NĂM 2022

ThS. Phạm Danh Tường

Trung tâm Công nghệ Sinh học tỉnh An Giang

1. Kết quả hoạt động năm 2022

Về công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật KH&CN: có 09/11 địa phương tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu văn bản pháp luật về KH&CN với trên 500 đại biểu tham dự. Ngoài ra, các địa phương còn cử nhiều lượt cán bộ, công chức và giới thiệu đại biểu tham dự các hội nghị tuyên truyền, phổ biến do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức.

Về công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: các địa phương đã tổ chức triển khai 30 đề tài KH&CN cấp cơ sở; phối hợp triển khai 11 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, tỉnh, cơ sở; nhận ứng dụng kết quả 02 nhiệm vụ KH&CN. Các đề tài KH&CN cấp cơ sở tập trung nghiên cứu các quy trình công nghệ nhằm nâng cao giá trị các mặt hàng nông sản tại địa phương như: sản xuất bột sắn, sản xuất nhang sạch bổ sung bột lá chóc; nghiên cứu đánh giá khả năng sinh trưởng và thích nghi của các giống cây trồng mới như: hoa huệ hồng, cải kale, ớt chaparita; xây dựng hệ thống khử khuẩn ô tô tại các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh An Giang; xây dựng quy chế làm việc của mô hình Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch UBND cấp xã thuộc tỉnh An Giang hiện nay; ...



Mô hình trồng rau thủy canh

Về sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ: hướng dẫn hồ sơ, thủ tục bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho 28 nhãn hiệu, gia hạn 02 nhãn hiệu; trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận (NHCN) AN GIANG cho 07 đơn vị, gia hạn quyền sử dụng NHCN AN GIANG cho 04 đơn vị, in 115.000 tem NHCN AN GIANG để hỗ trợ cho các đơn vị đã được trao quyền sử dụng. Cấp 18 chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn bức xạ, 23 giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế, gia hạn 07 giấy phép tiến hành công việc bức xạ; xác nhận khai báo 06 thiết bị X-quang y tế.

Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát: các địa phương đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ: Thực hiện 08 cuộc thanh tra chuyên ngành đối với 45 tổ chức, cá nhân; qua đó phát hiện 01 tổ chức vi phạm (bán xăng RON 95-III kém chất lượng). Tham gia Đoàn kiểm tra việc thực hiện quy định về an toàn bức xạ tại 04 cơ sở X-quang tại An Phú, TP. Long Xuyên và Châu Đốc); kết quả, các cơ sở được kiểm tra thực hiện khá tốt quy định về bảo đảm an toàn bức xạ. Tổ chức 29 lượt giám sát tiến độ triển khai thực hiện 31 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở; kết quả, có 15 nhiệm vụ chậm tiến độ (chủ yếu là nhiệm vụ cấp tỉnh).

Về đào tạo, tập huấn phục vụ cho hoạt động KH&CN: các địa phương đã cử nhiều lượt cán bộ, công chức tham dự các lớp đào tạo, tập huấn do Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị Trung ương và Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức như: Lớp bồi dưỡng



Hội nghị triển khai văn bản pháp luật về KH&CN - Hội thảo phát triển thị trường KH&CN và tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp năm 2022

nghiệp vụ quản lý KH&CN năm 2022 tại tỉnh Phú Yên; tập huấn “Quyền sở hữu trí tuệ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”, “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2022” tại Sở Khoa học và Công nghệ; Hội nghị triển khai văn bản pháp luật về KH&CN - Hội thảo phát triển thị trường KH&CN và tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp năm 2022 tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng; ...

2. Phương hướng hoạt động năm 2023

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN&ĐMST) tại địa phương, bám sát Kế hoạch số 59/KH-SKH-CN ngày 11/7/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ về hoạt động KH&CN và dự toán ngân sách KH&CN tỉnh An Giang năm 2023 (được phê duyệt tại Quyết định 1762/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh) và Kế hoạch số 18/KH-SKH-CN ngày 13/02/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về phân công thực hiện hoạt động KH, CN&ĐMST năm 2023, tập trung vào một số nội dung như sau:

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật về KH, CN&ĐMST trên địa bàn, bám sát Kế hoạch số 102/KH-SKH-CN ngày 29/12/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ về tuyên truyền KH&CN tỉnh An Giang năm 2023; cử công chức tham gia hội nghị, hội thảo tuyên truyền, phổ biến do Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức.

Hai là, tiếp tục tổ chức thực hiện quy trình quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo quy định; vận động, tuyên truyền và khuyến khích các đơn vị, ban ngành, tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh tại địa phương tham gia đề xuất các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; phối hợp triển khai các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp tỉnh thực hiện trên địa bàn; nhận ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN có khả năng thử nghiệm và nhân rộng trên địa bàn.

Ba là, khảo sát, tìm kiếm các mô hình, quy trình, công nghệ tiên tiến và hiệu quả, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tiếp cận tiến bộ KH&CN, những mô hình sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, lựa chọn và triển khai các mô hình phù hợp ở địa phương.

Bốn là, tiếp tục phối hợp hỗ trợ cơ sở, doanh nghiệp đăng ký bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; thực hiện đúng quy định về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, ghi nhãn hàng hóa, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của cơ sở, doanh nghiệp.

Năm là, cử công chức quản lý, phụ trách hoạt động KH&CN cấp huyện tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực KH, CN&ĐMST./.

ỨNG DỤNG NHÀ SẤY NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI ĐỂ PHƠI SẤY NÔNG SẢN THỰC PHẨM

ThS. Lê Thành Sơn

Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ An Giang

Ngày nay, vấn đề an toàn thực phẩm được nhiều người quan tâm, vì vậy việc tạo ra sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng là tiêu chí mà người sản xuất cần chú trọng, đồng thời để nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo quản sản phẩm sau thu hoạch càng trở nên cấp thiết góp phần tăng thu nhập cho người dân sản xuất trực tiếp. Trong các phương pháp phơi, sấy, bảo quản nông sản thì phương pháp sử dụng hiệu ứng nhà kính là kinh tế nhất. Do đó, trong năm 2022, được sự đồng ý của Sở KH&CN, Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN đã xây dựng mô hình “**Ứng dụng nhà sấy năng lượng mặt trời để sấy nông sản thực phẩm**”

1. Mục tiêu:

Sử dụng nhà sấy bằng năng lượng mặt trời kết hợp với hệ thống kệ phơi sấy nhiều tầng có bổ sung quạt đối lưu bằng năng lượng mặt trời và hệ thống cấp nhiệt bằng đèn hồng ngoại nhằm tăng hiệu quả và rút ngắn thời gian phơi sấy, giảm hao hụt và chi phí lao động, đồng thời tạo ra sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng.

2. Thông tin nhà sấy Năng lượng mặt Trời (NLMT)



Nhà sấy bằng năng lượng mặt trời

Nhà sấy được thiết kế vòm (Parabol) cong của giúp tăng cường khả năng hấp thụ ánh sáng mặt trời; đồng thời ngăn ngừa nước mưa ngưng đọng trên bề mặt và giảm thiểu tác động của gió trong mùa mưa bão. Các tấm lấy sáng được làm bằng nhựa polycarbonate chất lượng có độ bền cao khi gặp mưa nắng. Các tấm polycarbonate này được phủ một lớp ngăn tia UV, giúp cho nông sản phơi trong nhà sấy giữ được màu sắc và chất dinh dưỡng. Nhờ đó, sản phẩm sấy cuối cùng có giá trị cao hơn trên thị trường.

Nhà sấy có thể được vận chuyển dễ dàng và lắp đặt tại chỗ. Sử dụng nhà sấy thay vì phơi nông, thủy, hải sản ngoài trời theo cách thủ công giảm thiểu tối đa sản phẩm bị hư hỏng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, do nhà sấy được thiết kế hoàn toàn kín, bảo vệ sản phẩm bên trong khỏi côn trùng, ruồi nhặng, bụi bẩn cũng như vật nuôi và gia cầm.

Lợi ích của nhà phơi sấy

Quá trình sấy các loại nông sản cũng như được liệu sử dụng hệ thống sấy bằng hiệu ứng nhà kính đã thể hiện những ưu điểm vượt trội so với các phương pháp khác như tiết kiệm năng lượng, chi phí đầu tư không nhiều, thời gian sấy nhanh, phù hợp với nhiều loại sản phẩm sấy khác nhau và đặc biệt là đảm bảo an toàn vệ sinh cho sản phẩm trong quá trình sấy,... Các ưu điểm này làm giảm giá thành chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh cũng như vị thế của sản phẩm nông sản trong thị trường mở rộng như hiện nay

Ngoài ra, đối với sản phẩm là thủy sản, ngoài việc giúp sản phẩm khô nhanh hơn so với phơi ngoài trời mà còn giải quyết được vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm. Khi phơi thủy sản trong nhà kính có thể tăng diện tích phơi lên từ 2 đến 3 lần so với phơi truyền thống do hệ thống kệ phơi được thiết kế nhiều tầng. Do đó, việc hỗ trợ các cơ sở sản xuất khô ứng dụng được mô hình nhà kính phơi thủy sản sẽ giúp các cơ sở chế biến đổi mới phương pháp phơi sấy và đem lại nhiều lợi ích thiết thực.

3. Kết quả thực hiện:

Trung tâm phối hợp với phòng kinh tế huyện Chợ Mới tiến khảo sát một số Cơ sở sản xuất khô trên địa bàn huyện. Qua kết quả khảo sát, cho thấy cơ sở sản xuất khô Kim Loan, tại xã Long Kiến đáp ứng các điều kiện về mặt bằng, cơ sở vật chất,... thỏa mã các yêu cầu để xây dựng mô hình nên cùng thống nhất chọn Cơ sở này làm địa điểm để xây dựng mô hình nhà phơi sấy NLMT.

Để thực hiện nhiệm vụ, nhóm nghiên cứu đã tiến hành lắp đặt nhà phơi sấy NLMT diện tích 48m² (6mx8m) và các thiết bị hỗ trợ được cải tiến như kệ phơi sấy 03 tầng, quạt hút ẩm, quạt đối lưu, đèn hồng ngoại, cảm biến ẩm độ, nhiệt độ, bộ điều khiển quạt hút ẩm theo ẩm độ tại Cơ sở sản xuất khô cá Kim Loan (Chợ Mới)

Qua kết quả thực nghiệm phơi khô cá đầy hết các kệ 03 tầng với khối lượng khoảng 540-648kg cá lóc nguyên liệu (cá đã lọc làm sạch) trong nhà phơi sấy NLMT cho thấy màu



Mô hình nhà sấy năng lượng mặt trời tại Cơ sở sản xuất khô Kim Loan

sắc và ẩm độ khô cá tương tự như phơi ngoài trời nhưng chỉ cần phơi 02 ngày so với phơi 03 ngày ngoài trời, rút ngắn thời gian phơi sấy khoảng 30% so với phơi truyền thống. Qua đó nhóm nghiên cứu cũng xây dựng được quy trình phơi khô cá lóc trong nhà sấy NLMT. Ngoài ra, khi phơi trong nhà giúp bảo vệ thực phẩm tránh khỏi côn trùng, ruồi nhặng, chuột, bụi bẩn,... từ đó giúp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Đồng thời, sau khi tính toán hiệu quả kinh tế của nhà sấy NLMT mang lại thì việc đầu tư nhà sấy NLMT sẽ làm tăng thêm lợi nhuận 12.946,200đ/tháng so với phơi nắng truyền thống. Từ đó, cho thấy nếu đầu tư nhà sấy NLMT 48m² thì chỉ cần vận hành khoảng 10 tháng đã thu hồi được vốn đầu tư.

Từ kết quả trên cho thấy khả năng nhân rộng mô hình nhà sấy NLMT cho các Cơ sở sản xuất khô cá trong và ngoài tỉnh, giúp cho hoạt động sản xuất khô cá đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, vừa rút ngắn thời gian phơi sấy, nâng cao hiệu quả kinh tế, góp phần phát triển làng nghề sản xuất khô cá bền vững./.



SỰ KHÁC NHAU GIỮA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Toàn văn bài phát biểu của Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng nói về sự khác nhau giữa công nghệ thông tin và chuyển đổi số đã được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Chuyển trọng tâm từ chính quyền sang người dân, từ tổ chức sang nhân viên, từ doanh nghiệp sang khách hàng.* Công nghệ thông tin tập trung mang lại giá trị cho nhà quản lý nhiều hơn. Phục vụ nhà quản lý, làm dễ việc cho nhà quản lý. Chuyển đổi số tập trung mang lại giá trị cho người dùng, cho khách hàng, cho người dân. Lấy người dân làm trung tâm. Lấy người dùng, người sử dụng làm trung tâm.
- Chuyển từ chi phí sang tạo ra lợi ích và giá trị.* Công nghệ thông tin nói đến chi phí là bao nhiêu, nói đến đầu tư là bao nhiêu. Nhiều dự án công nghệ thông tin hoành tráng ở chỗ chi nhiều tiền cho nhà cửa, máy móc, phần mềm. Chuyển đổi số nói đến mang lại giá trị gì, lợi ích gì. Chuyển đổi số chú trọng đánh giá hiệu quả, giá trị tạo ra trừ đi chi phí có dương không. Giống như một dự án đầu tư.
- Chuyển từ phần mềm riêng lẻ sang nền tảng số dùng chung.* Công nghệ thông tin chỉ nói đến phần mềm. Phần mềm là viết cho một phòng ban, một tổ chức, một xã, một huyện, một tỉnh. Chuyển đổi số thì xuất hiện khái niệm nền tảng số. Nền tảng số là một phần cứng, một phần mềm nhiều người dùng chung trên phạm vi toàn tỉnh, toàn quốc, toàn cầu. Ngoài ra, nền tảng số không chỉ đơn thuần là phần mềm giải quyết một việc nào đó mà là một môi trường làm việc.
- Chuyển từ ứng dụng công nghệ sang chuyển đổi cách làm việc.* Công nghệ thông tin thì nói đến ứng dụng công nghệ thông tin. Nó giống như một công cụ. Công nghệ thông tin cung cấp một công cụ để thực hiện tự động hóa một việc cũ, một cách làm cũ, một quy trình cũ. Chuyển đổi số thì chuyển đổi là danh từ, số là tính từ. Chuyển đổi cách làm là chính, là mục tiêu, công nghệ số chỉ là phương tiện thực hiện.
- Chuyển từ cách làm từng phần sang làm toàn diện.* Công nghệ thông tin thì chỗ làm, chỗ không, cái làm cái không. Phòng kế toán có thể làm nhưng phòng tổ chức cán bộ thì chưa làm. Phòng kế toán làm nhưng mới làm phần kế toán chi phí mà chưa làm phần khai thuế. Như vậy là trong một tổ chức, tồn tại cái trên máy tính, cái trên giấy, cái trong đầu người. Không có cái nào phản ánh toàn diện, và cuối cùng bản giấy vẫn là quyết định, làm cho công nghệ thông tin trở thành một gánh nặng tăng thêm, vẫn máy tính và vẫn giấy. Chuyển đổi số là toàn diện, mọi nơi, mọi chỗ, không còn cái gọi là nửa này nửa kia. Chỉ có một môi trường số. Mọi việc sẽ diễn ra trên môi trường số. Công việc của mỗi người mà rời máy tính ra là không làm việc được. Và chỉ khi này thì công nghệ số mới phát huy hiệu quả.
- Chuyển trọng tâm từ giám đốc công nghệ thông tin sang người đứng đầu.* Công nghệ thông tin thì công nghệ là nhiều, là tự động

hóa cái cũ, không phải thay đổi nhiều về cách làm, cách vận hành tổ chức, nên vai trò quyết định là giám đốc công nghệ thông tin. Chuyển đổi số thì chuyển đổi cách làm, thay đổi cách vận hành tổ chức là chính nên người đứng đầu đóng vai trò quyết định. Phá hủy cái cũ, đưa vào cách làm mới thì chỉ một người làm được, đó là người đứng đầu. Người đứng đầu mà không muốn thay đổi cách làm thì sẽ không có chuyển đổi số. Người đứng đầu muốn thay đổi cách làm mà ủy quyền cho cấp phó làm chuyển đổi số thì cũng không có chuyển đổi số.

7. *Chuyển từ máy tính riêng lẻ sang điện toán đám mây.* Công nghệ thông tin là các hệ thống công nghệ thông tin dùng riêng, mỗi xã, mỗi huyện một cái. Đầu tư tốn kém, cần nhiều người vận hành khai thác. Chuyển đổi số là dùng chung trên đám mây, đầu tư một chỗ, vận hành khai thác một chỗ, dùng chung toàn tỉnh, toàn quốc. Chuyển đổi số thì không còn nhìn thấy các hệ thống máy tính ở mỗi tổ chức.

8. *Chuyển từ đầu tư sang thuê.* Công nghệ thông tin thì nhà nhà đầu tư, và để dùng riêng. Cấp xã, cấp huyện đầu tư vì do ít tiền nên không đảm bảo một hệ thống đạt chuẩn, không có người chuyên môn vận hành nên nhiều sự cố, nhất là sự cố an toàn, an ninh mạng. Các hệ thống dùng riêng nên kết nối, chia sẻ dữ liệu luôn luôn là vấn đề. Các hệ thống là riêng biệt nên tổng đầu tư tăng tuyến tính theo số đầu mỗi. Đầu tư xong không có tiền vận hành khai thác nên hàng năm xuống cấp. Chuyển đổi số thì thuê. Thuê như chúng ta dùng dịch vụ điện thoại di động, một mạng di động thì đầu tư nhiều tỷ đô la, nhưng người dùng

chỉ trả 60-70 ngàn mỗi tháng. Dùng bao nhiêu thì thuê bấy nhiêu, tăng giảm linh hoạt theo ngày được, còn đầu tư thì giảm không được, muốn tăng thì lại phải đầu tư mới mất hàng năm về thủ tục.

9. *Chuyển từ sản phẩm sang dịch vụ.* Công nghệ thông tin là mua phần cứng, phần mềm về dùng, tức là mua sản phẩm. Một sản phẩm mua về có thể dùng không hết công suất, vì vậy lãng phí. Thống kê cho thấy, các máy tính mua về ít khi dùng hết 20% công suất. Mua sản phẩm về thì phải bỏ tiền, bỏ công ra để nuôi sống sản phẩm. Chuyển đổi số thì không mua sản phẩm mà là mua dịch vụ, trả tiền theo tháng, theo năm. Là chi phí thường xuyên. Dịch vụ thì dùng bao nhiêu trả bấy nhiêu. Không phải lo nghĩ về việc nuôi sống dịch vụ.

10. *Chuyển đổi trọng tâm từ tổ chuyên gia công nghệ sang tổ công nghệ số cộng đồng.* Công nghệ thông tin chú trọng vào kỹ thuật, công nghệ, chú trọng vào cách làm, vào việc làm ra hệ thống công nghệ thông tin, vì vậy mà hay thành lập tổ chuyên gia về công nghệ. Chuyển đổi số chú trọng vào sử dụng, chú trọng vào người dùng biết cài đặt và sử dụng, nhất là người dân. Vì vậy mà cần các tổ công nghệ số cộng đồng tại từng thôn bản, đến từng nhà hướng dẫn bà con sử dụng các nền tảng số. Các nền tảng số này thì do các doanh nghiệp công nghệ phát triển làm ra và duy trì.

11. *Chuyển từ chú trọng vào làm như thế nào sang làm cái gì.* Công nghệ thông tin hay chú trọng vào làm như thế nào. Vì vậy mà nhà lãnh đạo rất khó tham gia. Giám đốc công nghệ thông tin nói cái này không làm được thì nhà lãnh đạo cũng đành chịu

vậy. Vì vậy mà nhà lãnh đạo thường đứng ngoài cuộc. Chuyển đổi số thì nhà lãnh đạo nói muốn gì, cần làm cái gì, cần thay đổi cái gì, và sau đó là việc của nhà kỹ thuật. Công nghệ thông tin thế hệ mới, hay còn gọi là công nghệ số có đủ sức mạnh để làm hầu hết các yêu cầu của nhà lãnh đạo. Vì thế mà nhà lãnh đạo ở vào vị trí trung tâm.

12. *Chuyển trọng tâm từ người giỏi phần mềm sang người giỏi sử dụng.* Công nghệ thông tin tập trung vào người viết phần mềm. Tập trung vào đi tìm người giỏi phần mềm. Chuyển đổi số tập trung vào người dùng. Tập trung vào việc đặt ra bài toán, vào việc sử dụng ngay từ giai đoạn phát triển ban đầu và đóng góp cho phần mềm thông minh dần lên. Phần mềm thông minh là mục tiêu cuối cùng, và để làm được việc này thì đóng góp tri thức của người dùng có ý nghĩa quyết định. Người dùng xuất sắc thì tạo ra phần mềm xuất sắc. Người đứng đầu phải là người dùng xuất sắc.

13. *Chuyển từ hệ thống công nghệ thông tin sang môi trường số.* Hệ thống công nghệ thông tin là hệ thống kỹ thuật. Công nghệ thông tin là xây dựng hệ thống kỹ thuật. Môi trường số là môi trường sống và làm việc. Chuyển đổi số là xây dựng môi trường sống và làm việc mới. Môi trường thì rộng hơn rất nhiều so với hệ thống kỹ thuật.

Link liên kết: https://mic.gov.vn/mic_2020/Pages/TinTuc/154276/Bo-truong-Nguyen-Manh-Hung-noi-ve-su-khac-nhau-giua-cong-nghe-thong-tin-va-chuyen-doi-so.html

14. *Chuyển từ tự động hóa sang thông minh hóa.* Công nghệ thông tin chú trọng tự động hóa công việc, thay lao động chân tay, thay người. Chuyển đổi số chú trọng việc hỗ trợ để giúp con người thông minh hơn. Giúp con người ra quyết định dựa trên số liệu nhiều hơn, thông minh hơn, không chú trọng việc thay người.

15. *Chuyển từ dữ liệu của tổ chức sang dữ liệu người dùng.* Công nghệ thông tin xử lý dữ liệu của tổ chức. Chuyển đổi số thu thập và xử lý dữ liệu người dùng sinh ra hàng ngày để tối ưu hoá hoạt động.

16. *Chuyển đổi từ dữ liệu có cấu trúc sang dữ liệu phi cấu trúc.* Công nghệ thông tin thu thập và xử lý dữ liệu có cấu trúc, dữ liệu được định nghĩa trước, là tri thức cũ. Công nghệ thông tin tập trung vào tự động hoá cái cũ. Không sinh ra tri thức mới. Chuyển đổi số thu thập và xử lý cả dữ liệu phi cấu trúc, phân tích những dữ liệu mới này để sinh ra tri thức mới. Chuyển đổi số tập trung vào tạo ra tri thức mới, tạo ra nhiều giá trị mới.

17. *Chuyển từ công nghệ thông tin sang công nghệ thông tin + Công nghệ thông tin là công nghệ thông tin. Chuyển đổi số là công nghệ thông tin + Số hoá toàn diện + Dữ liệu + Đổi mới sáng tạo + Công nghệ số.*

Nguồn: Bộ Thông tin và Truyền thông (MIC)



ĐIỂM TIN HOẠT ĐỘNG KH&CN CẤP HUYỆN THÁNG 03 - 04/2023

1. Thành phố Châu Đốc

Giám sát thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở "*Ứng dụng chủng men Aspergillus oryzae để ủ ra vi sinh vật Bacillus spp và Enzyme Lipase để xử lý môi trường nước nuôi cá rô (Anabas testudineus.sp) thâm canh trong ao đất và sử dụng một phần nước thải từ nuôi cá rô để nuôi Ốc bưu đen (Pila conica)*". Kết quả, nhóm thực hiện đang thu hoạch 01 ao, còn 01 ao đang tiếp tục nuôi.

Phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp đăng ký nhãn hiệu; đang tổng hợp sáng kiến năm 2022 của các đơn vị.

Tiếp tục triển khai các mô hình về nông nghiệp công nghệ cao tại địa phương: 10 nhà màng trồng dưa lưới, dưa lê với tổng diện tích 1,2 ha; 09 nhà lưới trồng cải ngọt, tần ô, cải xanh, cải thìa,... với tổng diện tích 0,85 ha.

Khảo sát và dự kiến triển khai các mô hình: (1) Trồng táo trong nhà màng và sử dụng phân hữu cơ trong quá trình sản xuất; (2) Trồng nấm rơm công nghệ cao sử dụng hệ thống tưới tiên tiến của Israel; (3) Trồng Thanh nhãn sử dụng phân hữu cơ trong quá trình sản xuất và hướng tới sản phẩm OCOP tại địa phương; (4) Trồng xoài bón phân hữu cơ Calcio Boro Amino giúp xoài tăng trưởng nhanh và giảm giá thành trong quá trình sản xuất.

2. Huyện Chợ Mới

Đề nghị các Ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội huyện, UBND các xã, thị trấn, các Trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở, Tiểu học, mầm non, Trường Trung cấp Kỹ thuật Công nghệ An Giang rà soát, vận động tác giả tham gia Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh An Giang lần thứ XIII (2022-2023).

Tham gia đoàn kiểm tra của Chi Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về: (1) Phương

tiện đo nhóm 2 cân thông dụng và việc đặt, duy trì, bảo quản phương tiện đo lường tại các chợ đối với Ban Quản lý Chợ thị trấn Chợ Mới: đề nghị Ban Quản lý Chợ thị trấn Chợ Mới thực hiện kiểm định cân đối chứng đã hết thời hạn của chứng chỉ kiểm định và trang bị các quả cân đối chứng theo đúng quy định; (2) Tiêu chuẩn, chất lượng và nhãn hàng hóa đối với mặt hàng dầu nhòn động cơ đốt trong lưu thông trên thị trường năm 2023 đối với Hộ kinh doanh Dương Quốc Khương tại thị trấn Chợ Mới: cơ sở cơ bản thực hiện tốt quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng và nhãn hàng hóa đối với mặt hàng dầu nhòn động cơ đốt trong, tuy nhiên chưa xuất trình được 01 hồ sơ công bố hợp quy của 01 mặt hàng và đoàn đã đề nghị bổ sung hồ sơ này về Chi Cục tiêu chuẩn Đo lường chất lượng chậm nhất ngày 11/4/2023.

3. Thị xã Tân Châu

- Hướng dẫn cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn các thông tin cần thiết về đăng ký nhãn hiệu hàng, mã vạch hóa (cơ sở dưa lê Tài Lộc) và các thủ tục nhận hỗ trợ chi phí đăng ký.

- Tổ chức HĐKH&CN xét duyệt danh mục nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2023 (đợt 1) lĩnh vực Y tế. Kết quả có 03 nhiệm vụ được Hội đồng thống nhất thông qua để đăng ký về Sở KH&CN. Theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở năm 2022 đợt 1:

(1) "*Nghiên cứu một số biện pháp xử lý ra hoa và đánh giá hiệu quả kinh tế trên cây nhãn ido (euphoria longana)*". Kết quả, nhóm thực hiện đã bố trí các nghiệm thức xử lý theo đề cương, hiện nay nhãn ido đang cho trái non; hoàn thành chỉ tiêu số chồi, tỷ lệ chồi ra hoa, chiều dài phát hoa, số hoa lưỡng tính/phát hoa, tỷ lệ đậu trái.

(2) "*Nghiên cứu thực trạng các di chứng và đề xuất giải pháp can thiệp đối với các bệnh*

nhân sau khi mắc COVID-19 trong cộng đồng tại thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang năm 2022”. Kết quả, nhóm thực hiện đang xử lý số liệu và viết báo cáo tổng kết.

⁽³⁾ “Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp không sử dụng hàn the trong thực phẩm trên địa bàn thị xã Tân Châu năm 2022”. Kết quả, nhóm thực hiện đã tổ chức phỏng vấn các đối tượng nghiên cứu và test các mẫu thực phẩm nghiên cứu trên địa bàn thị xã; đang xử lý số liệu và viết báo cáo tổng kết.

⁽⁴⁾ “Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị người bệnh nhiễm SARS-CoV-2 mức độ trung bình – nặng tại bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu”. Kết quả, nhóm thực hiện đang xử lý số liệu và viết báo cáo tổng kết.

- Phối hợp với Thanh tra Sở KH&CN thanh tra tiệm vàng Kim Tùng ở xã Phú Vĩnh: xử lý vi phạm việc ghi nhãn; phối hợp với Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh An Giang kiểm tra về tiêu chuẩn, chất lượng và nhãn hàng hóa đối với mặt hàng dầu nhòn động cơ đốt trong lưu thông trên thị trường năm 2023 cửa hàng Vạn Hên, Tâm ở phường Long Thạnh: đoàn yê cầu các cửa hàng bổ sung giấy QR của các sản phẩm dầu nhòn còn thiếu; kiểm tra về Phương tiện đo nhóm 2 cân thông dụng và việc đặt, duy trì, bảo quản phương tiện đo lường tại chợ Tân Châu: chợ Tân Châu có cân đối chứng nhưng không còn hiệu lực kiểm định, đề nghị ban quản lý chợ đem cân đối chứng kiểm định và mua bộ quả cân chuẩn để tại chợ.

- Tiếp tục triển khai các mô hình về nông nghiệp công nghệ cao tại địa phương: ⁽¹⁾Mô hình ứng dụng hệ thống tưới phun điều khiển từ xa bằng điện thoại di động; ⁽²⁾Mô hình ươm cây giống và trồng hoa kiểng trong nhà màng; ⁽³⁾Mô hình trồng măng cầu ta; ⁽⁴⁾Mô hình trồng dưa lê bạch kim.

4. Huyện Thoại Sơn

Tổ chức họp xét duyệt, công nhận sáng kiến cấp huyện đối với 393 sáng kiến: kết quả có 389 sáng kiến đủ điều kiện công nhận và 04 sáng kiến không đủ điều kiện; đồng thời, hoàn thiện hồ sơ đề xuất công nhận sáng kiến cấp tỉnh đối với 40 sáng kiến đủ điều kiện theo quy định.

Tổng hợp và tổ chức Hội đồng KH&CN tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2023 (đợt 1) và hoàn thành hồ sơ đề xuất nhiệm vụ KH&CN gửi về Sở KH&CN theo quy định.

Tham gia Đoàn kiểm tra nhà nước về đo lường phương tiện đo nhóm 2 cân thông dụng và việc đặt, duy trì, bảo quản phương tiện đo lường tại các chợ; tham gia Đoàn kiểm tra nhà nước tra về tiêu chuẩn, chất lượng và nhãn hàng hóa đối với mặt hàng dầu nhòn động cơ đốt trong lưu thông trên thị trường năm 2023.

5. Huyện Tịnh Biên

- Phối hợp Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng vận động các cơ sở sản xuất/doanh nghiệp tham gia sử dụng NHCN An Giang. Đã báo cáo và lập danh sách các cơ sở sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện để vận động tham gia sử dụng NHCN An Giang gửi về Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để phối hợp khảo sát.

- Theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở “Nghiên cứu ứng dụng vi khuẩn *Acetobacter* thuần chủng trong quá trình lên men và sản xuất sản phẩm giấm ăn đóng chai từ nguồn nguyên liệu trái chức và trái chuối già thu hoạch tại huyện Tịnh Biên – An Giang”, kết quả, tiến độ thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra. Thực hiện chức năng quản lý về thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở “Tình hình sản xuất và tiêu thụ cây dược liệu trong thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại huyện Tịnh Biên - Thực trạng và giải pháp”, do Trường Chính trị Tôn đức Thắng thực hiện./.

Phòng KH-TC

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

TẬP HUẤN VỀ AN TOÀN BỨC XẠ NĂM 2023

Sáng 14/3/2023, tại trường Cao đẳng nghề An Giang, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ An Giang) phối hợp với Trung tâm An toàn bức xạ (Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, Bộ Khoa học và Công nghệ) tổ chức lớp tập huấn “Đào tạo an toàn bức xạ trong sử dụng thiết bị X-quang”.

Đến tham dự lớp Tập huấn có ông Hồ Quang Tuấn - Phó Giám đốc Trung tâm An toàn bức xạ (Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân), ông Phan Văn Kiến - Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ An Giang, ông Lê Hữu Thanh - Phó Giám đốc Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ An Giang và hơn 70 học viên trong lĩnh vực y tế, hải quan.



Ông Phan Văn Kiến - Phó Giám đốc Sở KH&CN khai mạc lớp tập huấn

Tại buổi khai mạc lớp tập huấn, ông Phan Văn Kiến - Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ An Giang cho biết: “Chúng ta không phủ nhận những hiệu quả thiết thực trong việc sử dụng bức xạ để chẩn đoán bệnh cho con người hay các mục đích khác; tuy nhiên, luôn đi kèm khi thực hiện kỹ thuật là những hậu quả hết sức nặng nề do bị nhiễm xạ, gây ảnh hưởng xấu cho sức khỏe đối với chính bản thân các y, bác sĩ, các kỹ thuật viên sử dụng máy chiếu, chụp tia X. Vì vậy, việc định kỳ cập nhật các kiến thức về an toàn bức xạ cho đội ngũ nhân viên y tế nói chung và nhân viên bức xạ nói riêng về ảnh hưởng của bức xạ ion hóa đến cơ thể, các biện pháp phòng tránh để bảo vệ sức khỏe cho người trực tiếp sử dụng và cho cộng đồng xung quanh là yêu cầu rất cần thiết”.

Trong 02 ngày, các học viên được Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân trao đổi các nội dung



Học viên tham dự lớp tập huấn về an toàn bức xạ

liên quan đến an toàn bức xạ trong sử dụng thiết bị X-quang, như:

- Các khái niệm cơ bản liên quan đến bức xạ ion hóa; nguồn gốc của bức xạ ion hóa. Hệ thống các văn bản quy định pháp luật về bảo đảm an toàn bức xạ;

- Các yêu cầu kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng; giới hạn liều đối với nhân viên bức xạ và công chúng; các yêu cầu kiểm soát chiếu xạ y tế;

- Các đại lượng và đơn vị đo dùng trong an toàn bức xạ: liều chiếu, liều hấp thụ, liều tương đương, liều hiệu dụng; ghi đo bức xạ tia X, đánh giá liều chiếu xạ cá nhân. Thực hành sử dụng thiết bị ghi đo bức xạ tia X, hướng dẫn sử dụng liều kế cá nhân;

- Tương tác của bức xạ gamma và tia X với vật chất;

- Cơ chế tác dụng của bức xạ ion hóa với cơ thể sống; các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu ứng sinh học của bức xạ; các tổn thương do bức xạ gây ra;

- Các mối nguy hiểm do chiếu xạ ngoài; bảo vệ đối với các nguy hiểm do chiếu xạ ngoài;

- Hướng dẫn bảo đảm an toàn bức xạ trong X-quang chẩn đoán y tế; nguyên lý hoạt động của thiết bị X-quang chẩn đoán y tế và các vấn đề an toàn bức xạ liên quan; các khía cạnh liên quan đến tối ưu hoá an toàn bức xạ trong X-quang chẩn đoán y tế.

Cuối khóa tập huấn, các giảng viên của Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân trao đổi và giải đáp những thắc mắc của các học viên đặt ra liên quan đến an toàn bức xạ trong X-quang chẩn đoán y tế và sử dụng tia X trong soi chiếu hàng hóa./

P.K

Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

HỘI NGHỊ TẬP HUẤN CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG VÀ NHÃN HÀNG HÓA TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ NĂM 2023

Để triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 59/KH-SKHCN ngày 11/7/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ tỉnh năm 2023 (được phê duyệt tại Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh). Đồng thời nhằm giúp các tổ chức, cá nhân kinh doanh mặt hàng vàng trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang cập nhật những kiến thức của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa, cũng như nâng cao ý thức trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh các mặt hàng nêu trên trong việc thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần tạo nên môi trường kinh doanh lành mạnh, công bằng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Ngày 28/02/2023, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh An Giang tổ chức **“Hội nghị tập huấn các văn bản pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa trong hoạt động kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ năm 2023”** cho các công chức phụ trách hoạt động KH&CN của phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố; Các tổ chức, cá nhân kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh; Hội mỹ nghệ kim hoàn đá quý tỉnh An Giang. Hội nghị được tổ chức tại Hội trường nhà khách Công đoàn (Số 5 Nguyễn Du, P. Mỹ Bình,



Ông Lê Thái Định – Phó Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng phát biểu khai mạc Hội nghị

TP. Long Xuyên, An Giang), với tổng số đại biểu tham dự hội nghị tập huấn là 80 đại biểu.

Báo cáo viên là công chức thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh An Giang, có kiến thức chuyên môn trong công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đã triển khai một số nội dung trọng tâm liên quan đến các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa trong hoạt động kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ như:

(1) Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN ngày 26/09/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường;

(2) Quyết định số 1550/QĐ-BKHCN ngày 25/06/2014 về việc đính chính Thông tư số

22/2013/TT-BKHCN ngày 26/09/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường;

⁽³⁾Công văn số 1402/TĐC-HCHQ ngày 31/07/2014 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN;

⁽⁴⁾Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hoá; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hoá;

⁽⁵⁾Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

⁽⁶⁾Hoạt động thanh tra, kiểm tra trong các năm vừa qua đối với mặt hàng vàng trang sức mỹ nghệ.



Báo cáo viên hướng dẫn các quy định về tiêu chuẩn, chất lượng và nhãn hàng hóa

Báo cáo viên hướng dẫn các quy định về tiêu chuẩn, chất lượng và nhãn hàng hóa

Sau phần trình bày của các báo cáo viên, quý đại biểu tham dự hội nghị đã tích cực tham gia phát biểu ý kiến về các nội dung liên quan đến lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa trong hoạt động kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ và đã được báo cáo viên giải đáp, làm rõ, qua đó giúp các doanh nghiệp cập nhật và nắm vững các kiến thức về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa trong hoạt động kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ ./.

Trung Hiếu



KẾT QUẢ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG VÀ NHÃN HÀNG HÓA ĐỐI VỚI MẶT HÀNG XĂNG DẦU, DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG QUÝ I NĂM 2023

Thực hiện Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 13/07/2022 của UBND tỉnh An Giang về phê duyệt Kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách khoa học công nghệ tỉnh An Giang năm 2023.

hành các quy định của pháp luật về chất lượng và nhãn hàng hóa trong kinh doanh xăng dầu và dầu nhờn động cơ đốt trong. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít trường hợp kinh doanh xăng dầu chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật về



Đoàn tiến hành khảo sát chất lượng và nhãn hàng hóa đối với mặt hàng xăng dầu và dầu nhờn động cơ đốt trong LTTT quý I/2023

Từ ngày 06/02/2023 đến ngày 08/02/2023, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh An Giang đã tiến hành khảo sát chất lượng và nhãn hàng hóa đối với mặt hàng xăng dầu, dầu nhờn động cơ đốt trong lưu thông trên thị trường quý I năm 2023. Đoàn khảo sát tại 27 tổ chức kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn động cơ đốt trong trên địa bàn tỉnh; tiến hành mua 38 mẫu (01 xăng E5 RON92-II, 17 xăng RON95-III, 14 dầu điêzen 0,05S-II, 01 dầu điêzen 0,001S-V và 05 mẫu dầu nhờn động cơ đốt trong).

Kết quả khảo sát thực tế cho thấy đa số các tổ chức kinh doanh đã nâng cao ý thức chấp

chất lượng do chưa hiểu rõ, hiểu sâu về đối tượng hàng hóa kinh doanh để có biện pháp quản lý chất lượng phù hợp.

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã phát hành thông báo kết quả khảo sát đến doanh nghiệp kinh doanh mẫu dầu nhờn động cơ đốt trong có nội dung công bố chất lượng trên nhãn hàng hoá không phù hợp theo quy định, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp có hành động khắc phục; đối với các doanh nghiệp có mẫu dầu điêzen không đạt chất lượng, Chi cục đã tiến hành mời đại diện các doanh nghiệp đến làm việc và yêu cầu khắc phục./.

Trung Hiếu





HƯỚNG DẪN XÔNG MŨI HỌNG BẰNG TINH DẦU

NHẪM HỖ TRỢ SÁT KHUẨN HÔ HẤP CHO NGƯỜI BỊ NIỄM SAR-Cov-2 KHÔNG CÓ TRIỆU CHỨNG,
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KH&CN PHỐI HỢP VỚI HỘI ĐỒNG Y TỈNH AN GIANG HƯỚNG DẪN XÔNG MŨI HỌNG BẰNG TINH DẦU:

VỆ SINH VÀ XOA MŨI TRƯỚC KHI XÔNG

1. Xì sạch nước mũi và thực hiện một số động tác dưỡng sinh nhằm tăng hiệu quả điều trị

2. Vuốt hai bên cạnh mũi từ 5 đến 10 lần



3. Day hai bên cạnh mũi từ 5 đến 10 lần



4. Dùng ngón trỏ và ngón cái nắm đầu mũi và lắc nhẹ từ 5 đến 10 lần



THỰC HIỆN XÔNG MŨI HỌNG

1. Rót vào bình giữ nhiệt 0,5 lít nước sôi (khoảng 1/3 bình)



2. Nhỏ vào 3-4 giọt tinh dầu trầm hoặc 1-2 giọt tinh dầu chúc



3. Rót tiếp 0,5 lít nước sôi vào bình giữ nhiệt (khoảng 2/3 bình)



4. Đặt mũi và miệng cách mặt nước xông khoảng 20cm, người xông có thể điều chỉnh khoảng cách thích hợp cho dễ chịu



5. Hít vào mạnh bằng mũi miệng sau đó thở ra nhẹ nhàng. Thực hiện xông khoảng 3 đến 5 phút



6. Sau khi xông đóng nắp bình giữ nhiệt để giữ nước nóng cho lần xông tiếp theo (nếu nước nguội thì thay bằng nước sôi mới)



LƯU Ý:

- Mỗi ngày xông 04 lần: vào lúc 6h - 10h - 14h - 18h.
- Cần thận trọng khi xông.
- Uống 1 cốc nước ấm sau khi xông.
- Trong quá trình xông nếu có những biểu hiện bất thường như khó thở, ho, sốt hơn 38,5 độ C, ... thì ngừng xông và báo cho cán bộ y tế để được xử lý kịp thời.

Ban biên tập Bản tin KH&CN An Giang kính mong bạn đọc tham gia góp ý xây dựng để Bản tin ngày càng phát triển, đáp ứng nhiệm vụ tuyên truyền và nhu cầu thông tin của bạn đọc. Mọi ý kiến, góp ý vui lòng gửi đến:

- Địa chỉ: Số 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 - Điện thoại: 0939 007676 (Hà Thị Mỹ Trang - Thư ký)
 - Email: bantinkhcnag@gmail.com
- Chân thành cảm ơn!

In 550 cuốn, khổ 19x27cm tại Công ty CP In An Giang. Giấy phép xuất bản số 02/GP-XBBT ngày 13/01/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông An Giang. In xong nộp lưu chiểu tháng 02/2023.

THÔNG TIN

Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh An Giang lần thứ XIII (2022-2023)

1. Đối tượng dự thi

- Cá nhân người Việt Nam ở trong nước và cá nhân người nước ngoài đang đầu tư, nghiên cứu khoa học, làm việc, sinh sống tại tỉnh An Giang, không phân biệt lứa tuổi, thành phần dân tộc, nghề nghiệp, là người tạo ra giải pháp kỹ thuật, đề tài nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh (tác giả giải pháp, đề tài nghiên cứu khoa học) đều có quyền dự thi với tư cách cá nhân.

- Tổ chức đã được cấp phép hoạt động theo pháp luật Việt Nam, đã đầu tư nhân lực, kinh phí, trang thiết bị để tạo ra giải pháp kỹ thuật, đề tài nghiên cứu khoa học áp dụng có hiệu quả tại An Giang. Người trực tiếp tham gia sáng tạo ra giải pháp, đề tài được tổ chức cử đứng tên dự thi sẽ là tác giả của giải pháp, đề tài dự thi.

- Các cá nhân, tổ chức có các giải pháp, đề tài đã đạt giải thưởng Sáng tạo Khoa học và Công nghệ thì không được tham gia Hội thi.

2. Lĩnh vực dự thi

- Công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông.
- Cơ khí tự động hóa, xây dựng, giao thông vận tải.
- Vật liệu, hóa chất, năng lượng.
- Nông - lâm - ngư nghiệp; tài nguyên và môi trường.
- Y - Dược.
- Giáo dục - Đào tạo.
- Cải cách thủ tục hành chính và các lĩnh vực khác.

Giải pháp dự thi được đánh giá theo 03 tiêu chuẩn: Tính mới; Khả năng áp dụng rộng rãi (sử dụng) trong điều kiện kinh tế-kỹ thuật ở An Giang; Hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường.

3. Hồ sơ dự thi gồm

- Phiếu dự thi theo mẫu (01 bộ)
- Bản mô tả giải pháp, đề tài dự thi theo mẫu (02 bộ).

4. Cơ cấu giải thưởng

Giải thưởng Hội thi Sáng tạo kỹ thuật có tối đa:

- 01 hoặc 02 giải Nhất, mỗi giải 30.000.000 đồng
- 03 giải Nhì, mỗi giải 24.000.000 đồng
- 05 giải Ba, mỗi giải 18.000.000 đồng
- 10 đến 15 giải Khuyến khích, mỗi giải 6.000.000 đồng

Các tác giả đạt giải được cấp giấy chứng nhận đạt Giải Sáng tạo kỹ thuật và được tặng Biểu tượng của Ban Tổ chức Hội thi.

Giải Nhất và giải Nhì được tặng Bằng khen của UBND tỉnh; các giải Ba và các giải Khuyến khích được Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tặng giấy khen. Đồng thời, các tác giả đạt giải Nhất, Nhì, Ba còn được Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh tặng bằng khen và huy hiệu (nếu có) (nếu tác giả cá nhân và tập thể đạt Giải là CNVC và người lao động; là hội viên, đoàn viên thuộc các đoàn thể nói trên).

Ngoài ra, Ban Tổ chức Hội thi còn tặng giấy khen và đề nghị UBND tỉnh tặng bằng khen cho cá nhân, đơn vị có thành tích xuất sắc trong tuyên truyền, phổ biến hoặc đơn vị có nhiều giải pháp dự thi đem lại hiệu quả cao.

5. Thời gian và địa chỉ nhận hồ sơ dự thi

Thời gian nhận Hồ sơ dự thi từ ngày 08/4/2022 đến hết ngày 30/6/2023.

Hồ sơ dự thi phải đựng trong phong bì dán kín, ngoài bì thư ghi: **HỒ SƠ THAM GIA HỘI THI SÁNG TẠO KỸ THUẬT TỈNH AN GIANG LẦN THỨ XIII (2022-2023)** và gửi về địa chỉ:

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh An Giang
Số 54, Tôn Đức Thắng, p. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại: (02963).859.007 - 958.870 Fax: (02963).957.796
Email: lhhangi



THÔNG TIN CẦN BIẾT

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG

Đường dây nóng tiếp nhận phản ánh vi phạm đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu

📍 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

📞 **Chánh Thanh tra: 0918 309 806 (đường dây nóng)**

☎ Cơ quan: (0296) 3852850 hoặc (0296) 3852212

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

📍 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

☎ (0296) 3955300

🌐 <https://tbtagi.angiang.gov.vn>

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG

📍 17 Lê Lai, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

☎ (0296) 3954305 hoặc (0296) 3954306

🌐 <https://agitech.vn> 🌐 <https://atte.vn>

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ SINH HỌC AN GIANG

📍 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

☎ (0296) 6504499

🌐 <https://conghesinhhoc.biotech.vn>

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN AN GIANG là dấu hiệu để người tiêu dùng nhận biết nguồn gốc các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh An Giang được sản xuất trên cơ sở áp dụng những quy trình, quy chuẩn theo hướng an toàn



Mọi thắc mắc về Nhãn hiệu chứng nhận An Giang vui lòng liên hệ:

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

☎ (0296) 3955 300 🌐 tbtagi.angiang.gov.vn